TOÀ ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 18/2019/HNGĐ-PT
Ngày 16-7-2019
V/v ly hôn, tranh chấp nuôi con, chia tài sản khi ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên tòa: Bà Đặng Hồ Điệp

Các Thẩm phán: Bà Vũ Thị Thanh Vân

Ông Lương Ngọc D

- Thư ký phiên toà: Bà Nguyễn Thị Thu Trang, Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Hải Ph.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hải Ph tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh Bình, Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 7 năm 2019, tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố Hải Ph xét xử phúc thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 13/2019/TLPT-HNGĐ ngày 07 tháng 3 năm 2019 về việc ly hôn, tranh chấp nuôi con, chia tài sản khi ly hôn.

Do Bản án Hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 02/2019/HNGĐ-ST ngày 29 tháng 01 năm 2019 của Tòa án nhân dân quận HA, thành phố Hải Ph có kháng cáo, kháng nghị.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 2241/2019/QĐ-PT ngày 07 tháng 6 năm 2019, Quyết định hoãn phiên tòa số 2265/2019/QĐ-PT ngày 08 tháng 7 năm 2019, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Thanh H, nơi cư trú: Số 02/29 phố Đinh Tiên Hoàng, phường Hoàng Văn Thụ, quận Hồng B, thành phố Hải Ph, có mặt.

Người B vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Ông Tạ Ngọc B, là Luật sư của Công ty Luật Trách nhiệm hữu hạn B Anh thuộc Đoàn Luật sư thành phố Hà Nội, có mặt.

2. Bị đơn: Anh Phan Văn H, nơi cư trú: Số 02/81 đường Ngô Gia Tự, phường Đằng L, quận HA, thành phố Hải Ph, có mặt.

3. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập:

- Chị Nguyễn Thị H Kh và anh Nguyễn Anh D; cùng cư trú tại: Số 21/78 đường Trần Nguyên H, quận Lê Ch, thành phố Hải Ph; vắng mặt.

Người đại diện hợp pháp của chị Kh và anh D: Ông Phạm Quốc T, nơi trú: Số 92 phố Lê Văn Th, phường Kênh D, quận Lê Ch, thành phố Hải Ph; là người đại diện theo ủy quyền của chị Kh và anh D (văn bản ủy quyền ngày 11 tháng 6 năm 2018); có mặt.

- Ông Nguyễn Văn Tr và bà Lê Thị Bích T; cùng cư trú tại: Số 02/29 phố Đinh Tiên H, phường Hoàng Văn Th, quận Hồng B, thành phố Hải Ph; vắng mặt.

Người đại diện hợp pháp của ông Tr và bà T: Ông Phạm Quốc T, nơi cư trú: Số 92 phố Lê Văn Th, phường Kênh D, quận Lê Ch, thành phố Hải Ph, là người đại diện theo ủy quyền của chị Kh và anh D (văn bản ủy quyền ngày 14 tháng 01 năm 2019), có mặt.

- Ông Phan Văn G (tức Phan T) và bà Nguyễn Thị S; cùng cư trú tại: Số 02/81 đường Ngô Gia T, phường Đằng L, quận HA, thành phố Hải Ph; có mặt.

- Chị Nguyễn Thị Thanh H, nơi cư trú: Số 17 đường Trần Huy L, Tổ 16, phường Bắc S, quận Kiến A, thành phố Hải Ph; vắng mặt.

4. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan khác: Ngân hàng thương mại Cổ phần Xăng dầu Petrolimex (sau đây viết tắt là Ngân hàng), có trụ sở tại: Tòa nhà Mipec, số 229 phố Tây S, phường Ngã Tư S, quận Đống Đ, thành phố Hà N.

Người đại diện hợp pháp của Ngân hàng: Bà Bùi Thị Ngọc Diệp – Giám đốc Ngân hàng thương mại Cổ phần Xăng dầu Petrolimex – Chi nhánh Hải Ph, là người đại diện theo ủy quyền của Ngân hàng (Văn bản ủy quyền số 185/2014/QĐ-TGĐ ngày 31 tháng 7 năm 2014); vắng mặt.

5. Người làm chứng:

- Bà Phạm Thị H, nơi cư trú: Số 27/29 phố Đinh Tiên H, phường Hoàng Văn Th, quận Hồng B, thành phố Hải Ph; vắng mặt.

- Chị Nguyễn PH Ng, nơi cư trú: Số 147 phố Văn C, phường Đằng G, quận Ngô Q, thành phố Hải Ph; vắng mặt.

- Ông Lưu Thế Q và bà Phạm Thị H; cùng trú tại: Số 8/10/83 phố Nguyễn B, phường Đồng Quốc B, quận Ngô Q, thành phố Hải Ph; vắng mặt.

6. Người kháng cáo:

- Chị Nguyễn Thị Thanh H là nguyên đơn;

- Anh Phan Văn H là bị đơn;

- Anh Nguyễn Anh D và chị Nguyễn Thị H Kh là người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan;

- Ông Nguyễn Văn Tr và bà Lê Thị Bích T là người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan;

- Chị Nguyễn Thị H là người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan

- Ông Phan Văn G (tức Phan T) và bà Nguyễn Thị S là người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan.

7. Viện kiểm sát kháng nghị: Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân quận HA, thành phố Hải Ph.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện gửi đến Tòa án ngày 02 tháng 10 năm 2017 và trong quá trình giải quyết vụ án, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn và nguyên đơn là chị Nguyễn Thị Thanh H trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Nguyên đơn và anh Phan Văn H kết hôn trên cơ sở tự nguyện có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Hoàng Văn Thụ, quận Hồng B, Hải Ph ngày 08 tháng 8 năm 2007. Quá trình vợ chồng chung sống, thời gian đầu hòa thuận, hạnh phúc. Từ khoảng giữa năm 2015, vợ chồng bắt đầu phát sinh nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng không còn tin tưởng nhau về mặt tình cảm, dẫn đến có những lời nói và hành động thiếu tôn trọng nhau. Gia đình hai bên đã hòa giải động viên nhiều lần, nH mâu thuẫn vợ chồng không khắc phục được mà ngày càng trở nên trầm trọng, sâu sắc hơn. Đến cuối năm 2016, nguyên đơn cùng các con đã dọn về nhà bố mẹ đẻ, vợ chồng sống ly thân từ đó đến nay, không có trách nhiệm với nhau. Nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị H yêu cầu Tòa án giải quyết cho được ly hôn anh Phan Văn H.

- Về con chung: Nguyên đơn và anh H có 02 con chung là Phan Nguyễn H Nhi, sinh ngày 29 tháng 11 năm 2010 và Phan Nguyễn Linh Nhi, sinh ngày 11 tháng 5 năm 2013. Khi ly hôn, nguyên đơn yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung H Nhi, còn anh H trực tiếp nuôi dưỡng con chung Linh Nhi. Nguyên đơn không yêu cầu anh H phải cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Nguyên đơn và anh H có tài sản chung là chiếc xe ô tô Mazda 6, biển kiểm soát: 15A-259.91 mua năm 2016 đăng ký xe mang tên nguyên đơn và hiện nguyên đơn cũng là người quản lý sử dụng xe. Khi ly hôn, nguyên đơn yêu cầu được sở hữu chiếc xe ô tô này và sẽ thanh toán cho anh H số tiền tương

ứng với ½ giá trị của xe đã được Hội đồng định giá xác định giá ngày 14 tháng 11 năm 2018 là 705.000.000 đồng : 2 = 352.500.000 đồng.

- Về nợ chung: Nguyên đơn và anh H có các khoản nợ chung sau:

+ Khoản nợ vay tín chấp của Ngân hàng TMCP Xăng dầu Petrolimex Chi nhánh Hải Ph theo Hợp đồng tín dụng số 208/1034/2015/HĐTD-CN/PGBankHP ngày 12 tháng 5 năm 2015 là 300.000.000 đồng trả dần trong 60 kỳ, trích vào lương hàng tháng của nguyên đơn. Mục đích của khoản vay này là dùng để thanh toán tiền mua sắm trang thiết bị trong gia đình, nH vợ chồng nguyên đơn đã sử dụng để thanh toán tiền mua xe oto KIA Forte vào năm 2015. Nguyên đơn xác nhận chữ ký trong hợp đồng này không phải chữ ký của anh H, mà do nguyên đơn tự ký tên và ghi rõ họ tên của anh H vào đó để làm thủ tục vay với Ngân hàng. Tuy nhiên, nguyên đơn khẳng định anh H có biết về khoản vay này, vì khi lập hồ sơ vay tiền của PG Bank phải có hợp đồng lao động của anh H để chứng minh tài chính. Đến nay dư nợ của khoản vay này còn khoảng 85.000.000 đồng. Khi ly hôn nguyên đơn yêu cầu anh H phải có trách nhiệm chung với khoản nợ này. Cụ thể mỗi người phải có trách nhiệm trả ½ số tiền còn lại là: 85.000.000 đồng : 2 = 42.500.000 đồng.

+ Khoản nợ vay của chị Nguyễn Thị Thanh H: Sau khi mua xe ô tô KIA Forte được một thời gian, vợ chồng nguyên đơn muốn đổi xe nên đã chiếc bán xe này và vay thêm của chị Nguyễn Thị Thanh H 500.000.000 đồng để đủ tiền mua xe oto Mazda 6, biển kiểm soát: 15A-259.91 vào năm 2016. Tại phiên tòa, anh H thừa nhận có biết chị H là bạn chung của hai vợ chồng. Nên việc chị H cho mượn 500.000.000 đồng để mua xe ô tô Mazda 6 anh H hoàn toàn phải biết, bởi chiếc xe ô tô là tài sản chung của vợ chồng. Sau đó, nguyên đơn đã trả được cho chị H 100.000.000 đồng, chị H cho vợ chồng nguyên đơn 100.000.000 đồng do lúc trước chị H có hứa sẽ bán xe của chị H cho vợ chồng nguyên đơn, nH chị H không bán nữa mà giữ lại cho chồng chị H sử dụng. Theo xác nhận nợ có người làm chứng và lời khai của chị H, xác định số tiền nguyên đơn và anh H còn nợ chị H là 300.000.000 đồng đúng như chị H đã khai tại Tòa án. Khi ly hôn, do đây là nghĩa vụ chung của nguyên đơn và anh H nên hai bên cùng phải có trách thanh toán cho chị H số tiền này. Cụ thể mỗi người phải có trách nhiệm trả ½ số tiền còn nợ là 300.000.000 đồng : 2 = 150.000.000 đồng.

+ Khoản nợ vay của bố mẹ nguyên đơn là ông Nguyễn Văn Tr và bà Lê Thị Bích T: Nguyên đơn xác nhận trong thời gian chung sống, năm 2009 nguyên đơn và anh H có vay tiền của bố mẹ nguyên đơn số tiền là 450.000.000 đồng và đã trả được 70.000.000 đồng. Tính đến thời điểm hiện tại, vợ chồng nguyên đơn còn nợ bố mẹ nguyên đơn số tiền là 380.000.000 đồng đúng như bố mẹ nguyên đơn đã khai tại Tòa án. Việc cho mượn tiền của ông Tr, bà T với vợ chồng nguyên đơn có xác nhận về thời gian, có người làm chứng và có chữ ký xác nhận của nguyên đơn.

Mặc dù tại phiên tòa, anh H không thừa nhận. NH tại thời gian mượn tiền của ông Tr, bà T thì nguyên đơn và bị đơn vẫn chung sống là vợ chồng và chi tiêu chung. Vì vậy, cần phải xác định đây là khoản nợ chung của vợ chồng nguyên đơn theo Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2000.Vì vậy, khi ly hôn, nguyên đơn và anh H mỗi người phải có trách nhiệm trả ½ số tiền này là 380.000.000 đồng : 2 = 190.000.000 đồng.

+ Đối với yêu cầu độc lập của chị Nguyễn Thị H Kh và anh Nguyễn Anh D kiện đòi quyền sử dụng đất và sở hữu ngôi nhà 04 tầng trên đất tại thửa đất 64A, tờ bản, đồ số 24, diện tích 67,2m2 tại khu dân cư An Khê (nay là Thư Tr II), phường Đằng L, quận HA, thành phố Hải Ph: Nguyên đơn nhận thấy đây là tài sản có đăng ký đứng tên anh Nguyễn Anh D và chị Nguyễn Thị H Kh. Việc mua bán nhà ở diễn ra từ tháng 12 năm 2009 với bên bán là vợ chồng ông Lưu Thế Quân và bà Phạm Thị Hòa được công chứng tại Văn phòng Công chứng An Phát, Hợp đồng ghi rõ hai bên đã thực hiện trả tiền cho nhau xong và không có tranh chấp. Bất động sản này đã được Uỷ ban nhân dân quận HA, thành phố Hải Ph cấp Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở cho anh Nguyễn Anh D và chị Nguyễn Thị H Kh ngày 09 tháng 12 năm 2009. Trong lời khai của anh D, chị Kh và ông Tr, bà T trước và sau này có những điểm chưa thống nhất. Bởi đây là giao dịch trong gia đình giữa cha mẹ và các con bằng nguồn tài chính cho nhau mượn để chia sẻ, gánh vác chung. Nay, hôn nhân của nguyên đơn và anh H không tồn tại thì phải đưa về đúng vị trí các giao dịch. Nhà ở là tài sản của anh D, chị Kh đã được mua bán hợp pháp và đã được cơ quan có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận, việc anh chị em trong gia đình cho nhau mượn nhà và ở tạm là hoàn toàn bình thường. Vì vậy, nguyên đơn cho rằng đây không phải là tài sản chung của vợ chồng nguyên đơn nên khi ly hôn nguyên đơn đồng ý trả lại nhà này cho anh D và chị Kh như yêu cầu của họ trước Tòa án và đề nghị Hội đồng xét xử bác yêu cầu của anh H về việc đòi chia tài sản chung là ngôi nhà này.

+ Đối với yêu cầu độc lập của ông Phan Văn G (Phan T) và bà Nguyễn Thị S về việc yêu cầu vợ chồng nguyên đơn phải trả cho họ số tiền 1.158.000.000 đồng (một tỷ một trăm năm mươi tám triệu đồng) là tiền đã đầu tư để kinh doanh chứng khoán: Nguyên đơn thấy việc anh H nhận tiền của bố mẹ đẻ anh H để kinh doanh chứng khoán nguyên đơn hoàn toàn không nắm được, vì khi đấy anh H làm việc trong lĩnh vực chứng khoán. Nguyên đơn xác nhận tài khoản chứng khoán mang tên nguyên đơn, nH do lĩnh vực chứng khoán không phải lĩnh vực của nguyên đơn và nguyên đơn cũng không biết gì về chứng khoán nên đã ủy quyền toàn bộ việc sử dụng tài khoản này cho anh H, do đó nguyên đơn không nắm được việc anh H kinh doanh chứng khoán như thế nào. Tuy nhiên, theo tài liệu của Công ty Chứng khoán Sài Gòn SSI và cả anh H, bà S đều thừa nhận việc kinh doanh chứng khoán có lãi, chứ không lỗ. Vì vậy, anh H hoàn toàn có khả năng hoàn trả cho mẹ anh H số tiền

bà S đã đầu tư. Anh H cho rằng rằng tiền chênh lệch rút ra từ tài khoản chơi chứng khoán phù hợp với số tiền anh H chuyển vào tài khoản cá nhân của nguyên đơn để mua nhà là chưa đủ căn cứ. Hơn nữa, cũng cần xác định số tiền này là tiền ông G bà S đầu tư cho anh H chơi chứng khoán, chứ không phải tiền vay mượn; đầu tư thì lời ăn lỗ chịu. Vì vậy, nguyên đơn cho rằng đây không phải là nghĩa vụ chung của hai vợ chồng nên đề nghị Hội đồng xét xử xem xét bác yêu cầu này của ông G, bà S. Nếu anh H ký tên xác nhận còn nợ của bố mẹ anh H số tiền 1.158.000.000 đồng (một tỷ một trăm năm mươi tám triệu đồng), thì anh H phải có nghĩa vụ trả cho họ, nguyên đơn không có liên quan gì.

Quá trình giải quyết vụ án, người B vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn và bị đơn là anh Phan Văn H trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Anh Phan Văn H và chị Nguyễn Thị Thanh H kết hôn trên cơ sở tự nguyện có đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân phường Hoàng Văn Thụ, quận Hồng B, thành phố Hải Ph ngày 08 tháng 8 năm 2007. Quá trình vợ chồng chung sống phát sinh nhiều mâu thuẫn do chị H luôn có thái độ thiếu tôn trọng với bố mẹ anh, không có được những nghi lễ cơ bản tối thiểu của một người con dâu với bố mẹ chồng; bên cạnh đó chị H còn có những mối quan hệ phức tạp với những người khác giới ở ngoài xã hội. Từ cuối năm 2014 đến nay mâu thuẫn vợ chồng trở nên trầm trọng hơn do chị H có quan hệ ngoại tình với người đàn ông khác nên bị đơn nhận thấy không thể tiếp tục chung sống với chị H được nữa. Vì vậy, khi chị H yêu cầu được ly hôn, anh H đồng ý.

- Về con chung: Anh H và chị H có 02 con chung là Phan Nguyễn H Nhi, sinh ngày 29 tháng 11 năm 2010 và Phan Nguyễn Linh Nhi, sinh ngày 11 tháng 5 năm 2013. Khi ly hôn, bị đơn đồng ý với yêu cầu của chị H là anh H trực tiếp nuôi dưỡng con chung Linh Nhi, chị H trực tiếp nuôi dưỡng con chung H Nhi, không ai phải cấp dưỡng nuôi con cho ai.

- Về tài sản chung: Anh H và chị H có các tài sản chung yêu cầu Tòa án phân chia như sau:

+ Ngôi nhà 04 tầng diện tích sàn 183m^2 được xây dựng trên thửa đất số 64A, tờ bản đồ số 24, diện tích 67,2m^2 tại khu dân cư An Khê (nay là Thư Tr II), phường Đằng L, quận HA, thành phố Hải Ph mua vào năm 2009, nhờ vợ chồng em gái chị H là Nguyễn Thị H Kh và Nguyễn Anh D đứng tên hộ trong Giấy chứng nhận sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở. Hiện anh H đang quản lý sử dụng tài sản này và không chấp nhận yêu cầu đòi lại nhà của chị Nguyễn Thị H Kh và anh Nguyễn Anh D. Vì năm 2009, khi anh H và chị H mua ngôi nhà này, anh H và chị H có đủ tiền để mua nhà, nH đang để kinh doanh chứng khoán kiếm lời nên không rút hết ra mua nhà, mà đã nhờ vợ chồng anh D chị Kh là em rể và em gái chị H đứng tên nhà đất nói trên để thế chấp Ngân hàng vay 450 triệu đồng với lãi suất ưu

đãi để trả tiền mua nhà, do anh D là người có đủ điều kiện để hưởng mức lãi suất ưu đãi này, còn chị H khi đó mới vào làm việc tại Ngân hàng nên không đủ điều kiện. Việc này thể hiện rất rõ, ngày 06 tháng 01 năm 2010 anh D ký hợp đồng tín dụng và được Ngân hàng giải ngân 450 triệu đồng, cùng ngày anh D đã chuyển toàn bộ số tiền này vào tài khoản của chị H để chị H rút ra trả tiền mua nhà cho ông Quân, bà Hoà. Và đều đặn hàng tháng từ ngày 12 tháng 01 năm 2010 chị H đã chuyển vào tài khoản của anh D và đưa tiền mặt, để D trả hết số tiền 450 triệu đồng đã vay Ngân hàng, ngày đáo hạn vay là ngày 26 tháng 5 năm 2012. Sự thật này còn được các bên thừa nhận tại những lời khai ban đầu: Tại Biên bản làm việc của tòa án ngày 08 tháng 11năm 2017 vợ chồng bị đơn "đều thống nhất xác nhận có 02 tài sản chung là chiếc xe ô tô Madza 6 và ngôi nhà 3,5 tầng trên diện tích đất 67,2m^2 tại khu Thư Tr 11, phường Đằng L mua năm 2009, nhờ vợ chồng em gái chị H là Nguyễn Thị H Kh và anh Nguyễn Anh D đứng tên trên Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất". Cũng tại biên bản này, chị H khẳng định "các giấy tờ 02 tài sản chung này chị H đang quản lý, chị H đề nghị Toà án là được tự thoả thuận phân chia 02 tài sản chung này". Tại Bản tự khai ngày 12 tháng 01 năm 2018 của chị H về công nợ và tài sản, cũng khai "nhà là của H, H, nH do mua nhà lúc đó chưa đủ tiền nên nhờ D mang tên để thế chấp vay Ngân hàng PG nơi D làm việc để vay 450 triệu đồng với lãi suất ưu đãi…". Tại Biên bản của Tòa án ngày 29 tháng 01 năm 2018 và Đơn yêu cầu ngày 30 tháng 01 năm 2018 ông Tr bà T, khai: "Thời điểm ấy, cả hai mới lấy nhau, chưa có điều kiện về kinh tế nên vợ chồng tôi phải đi tìm nhà và đứng ra mua nhà hộ anh H và chị H căn nhà nói trên vào cuối năm 2009 với giá 1.250.000.000 đồng. Tuy nhiên, do không đủ tiền để trả, nên vợ chồng tôi đã nhờ vợ chồng em gái chị H là Kh và D dùng tài sản riêng của họ đứng ra vay thêm Ngân hàng để trả một phần tiền mua nhà và để họ đứng tên quyền sở hữu ngôi nhà này…". Tại bản tự khai, anh D, chị Kh khai với Toà án: "Năm 2009, bố mẹ vợ tôi là ông Tr bà T có mua căn nhà 4 tầng tại Khu An Khê, Đằng L với số tiền 1.250.000.000 đồng. Do không đủ tiền, ông bà đã nhờ vợ chồng tôi đứng tên trên bìa đỏ cũng như đứng ra vay vốn và làm các thủ tục với ngân hàng…". Tuy nhiên, ngày 29 tháng 3 năm 2018 trong đơn Đơn yêu cầu độc lập, anh D, chị Kh đã thay đổi lại lời khai, cho rằng "căn nhà trên là do anh D, chị Kh mua để ở, nH không hợp hướng, nên mua nhà chỗ khác và cho vợ chồng anh H, chị H ở nhờ". Anh D chị Kh cũng đảo ngược việc mình đã làm thủ tục ngân hàng và vay hộ bố mẹ vợ số tiền mua nhà như đã khai thành "mình vay tiền của bố mẹ vợ để mua căn nhà này". Tại bản tự khai tại tòa của ông Nguyễn Quốc T, là người đại diện hợp pháp của anh D, chị Kh, cũng cho rằng khi mua "căn nhà không hợp hướng" này anh D và chị Kh đã vay của chị H 450 triệu đồng để thêm vào mua 2 căn nhà. Một căn nhà cho anh H, chị H ở nhờ và một căn nhà anh D chị Kh dùng để ở. Tại biên bản hòa giải ngày 30 tháng 11 năm 2018, ông T khai: "D, Kh vay tiền bố mẹ vợ và vay H 450 triệu đồng để mua nhà…", còn chị H khai: "D, Kh mua nhà vay tiền bố

mẹ vợ và vay H 450 triệu đồng, nguồn gốc số tiền này là H vay của bố mẹ đẻ cho em gái vay lại". Điều này mâu thuẫn với lời khai của ông Tr, bà T khai với Toà án là "cho H vay 450 triệu đồng mua nhà..."; trái ngược với các tài liệu chứng cứ mà Ngân hàng Xăng dầu cung cấp chi tiết về hạch toán dòng tiền này từ khi vay đến khi trả qua tài khoản của anh D và tài khoản của chị H, mà anh H đã thống kê lại và giao nộp cho Toà án. Ngoài việc chị H chuyển vào tài khoản của anh D để nhờ anh D trả nợ Ngân hàng giúp, thì bản thân anh H cũng 02 lần nộp tiền vào tài khoản của Nguyễn Anh D để trả lãi và nợ gốc, cụ thể ngày 25 tháng 3 năm 2011 anh H nộp 4.180.000 đồng để trả lãi vay và ngày 31 tháng 3 năm 2010, anh H nộp 75.000.000 đồng tiền gốc với nội dung giao dịch do PG Bank ghi rất rõ "Phan Văn H nộp tiền trả trước một phần gốc trước hạn Hợp đồng 84" (là hợp đồng anh D đứng tên vay hộ vợ chồng anh H với Ngân hàng). Tại phiên toà sơ thẩm, chị H lý giải việc chuyển tiền vào Ngân hàng cho anh D là chuyển giúp em gái trả nợ cho Ngân hàng là hoàn toàn nguỵ biện, vô lý. Vì thực tế chị H có nhờ anh D đứng tên hộ căn nhà và thế chấp căn nhà vay tiền ngân hàng, thì hàng tháng chị H phải có tránh nhiệm chuyển tiền cho anh D để anh D trả Ngân hàng. Việc chuyển khoản này cũng là tài liệu chứng cứ để chị H làm đối chiếu công nợ với anh D và cũng là tài liệu để khẳng định bị đơn và chị H mới là người bỏ tiền mua nhà, trường hợp anh D chị Kh có muốn lật lọng cho rằng căn nhà trên là của họ để chuyển nhượng, tặng cho người khác cũng không được. Chắc hơn nữa là toàn bộ giấy tờ của ngôi nhà này chị H nắm giữ cùng với giấy tờ xe ô tô Mazda 6 như chị H đã khai tại trong Biên bản làm việc với Tòa án ngày 08 tháng 11 năm 2017. Việc vợ chồng anh H mua nhà là ngay tình, được rất nhiều người thừa nhận, trong đó có cả người bán nhà là ông Lưu Thế Quân mà anh H đã có tài liệu nộp cho Toà án. Mặt khác, sau khi mua nhà đất, vợ chồng anh H đã dọn về ở công khai, liên tục, ổn định từ năm 2009 đến nay không xảy ra tranh chấp với ai. Ngay cả khi anh H nộp đơn yêu đề nghị Toà án chia tài sản là ngôi nhà nói trên, chính chị H, anh D, chị Kh, ông Tr, bà T trong những lời khai ban đầu cũng đã thừa nhận anh D, chị Kh là người đứng tên hộ vợ chồng anh H để vay tiền ngân hàng. Vì nếu là tài sản của anh D, chị Kh thì không thể ai ép chị H, ép anh D, chị Kh, ông Tr, bà T phải khai là đứng tên hộ? Như vậy, việc em gái và em rể chị H đứng tên hộ, để vay tiền giúp vợ chồng bị đơn mua ngôi nhà trên là đúng sự thật. Vì thế ngôi nhà này là tài sản chung của bị đơn và chị H. Nay ly hôn, anh H yêu cầu được nhận Quyền sở hữu nhà ở và sử dụng đất ở đối với ngôi nhà tại địa chỉ trên và sẽ trả lại ½ giá trị nhà và đất cho chị H.

Anh H không đồng ý với kết quả định giá mà Hội đồng định giá đã đưa ra tại Biên bản định giá tài sản ngày 14 tháng 11 năm 2018, vì thấy các căn cứ định giá đối với đơn giá đất theo khung giá nhà nước áp dụng sai vị trí; đơn giá xây dựng áp không đúng với diện tích thực tế và đặc điểm công trình xây dựng; giá thị trường

không có thông tin tham chiếu. NH anh H không yêu cầu định giá lại, mà chỉ yêu cầu chính Hội đồng định giá tài sản này xác định lại giá cho phù hợp.

+ Xe ô tô Mazda 6, biển kiểm soát: 15A-259.91 mua năm 2016 đăng ký xe mang tên Nguyễn Thị Thanh H, hiện tài sản này chị H đang quản lý sử dụng. Nay ly hôn, anh H đề nghị được chuyển toàn bộ quyền sở hữu chiếc xe Mazda 6 biển kiểm soát: 15A-259.91 cho chị H, chị H phải trả ½ giá trị chiếc xe cho bị đơn theo kết quả định giá mà Hội đồng định giá công bố ngày 14 tháng 11 năm 2018 là: 352.500.000 đồng (705.000.000 đồng : 2).

- Về nợ chung:

+ Anh H và chị H chỉ có 01 khoản nợ chung đối với bố mẹ đẻ bị đơn là ông Phan T và bà Nguyễn Thị S, mục đích vay là để kinh doanh chứng khoán, tiền sinh lời từ việc kinh doanh này vợ chồng anh đã dùng để mua nhà và sinh hoạt gia đình. Hợp đồng mở Tài khoản giao dịch chứng khoán, số A1422/SSIHP ngày 17 tháng 8 năm 2007 mang tên Nguyễn Thị Thanh H số tài khoản 003C400381. Từ ngày 18 tháng 9 năm 2007 chị H bắt đầu tham gia giao dịch chứng khoán, đến ngày 01 tháng 10 năm 2007 chị H uỷ quyền cho anh tham gia giao dịch theo giấy uỷ quyền. Từ đó đến ngày 28 tháng 9 năm 2012, anh và chị H liên tục được bà S, ông T đầu tư tiền để tham gia đầu tư chứng khoán qua việc anh liên tục nộp tiền vào tài khoản chứng khoán trên để chơi chứng khoán tại rất nhiều mã, khi bán chứng khoán thì anhlại chuyển tiền vào Tài khoản Ngân hàng Xăng dầu cho H để gửi tiết kiệm. Điều này đã được thể hiện tại các tài liệu chứng cứ do Ngân hàng cung cấp cho Tòa án mà anh H đã thống kê lại. Tổng số tiền vợ chồng anh H vay của ông T, bà S để kinh doanh chứng khoán từ ngày 18 tháng 9 năm 2007 đến ngày 24 tháng 5 năm 2011 là 1.158.000.000 đồng khá trùng khớp với số tiền anh H rút ra và nộp vào tài khoản của H là 1.063.000.000 đồng. Vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và các quy định của pháp luật để tuyên xử chấp nhận các khoản ông T, bà S đã cho vợ chồng bị đơn vay là 1.158.000.000 đồng (một tỷ một trăm năm mươi tám triệu đồng). Nay vợ chồng ly hôn, mỗi bên phải có nghĩa vụ trả cho họ ½ số tiền này.

+ Về khoản vay tại Ngân hàng TMCP Xăng dầu Petrolimex Chi nhánh Hải Ph theo Hợp đồng tín dụng số 208/1031/2015/HĐTD-CN/PGBankHP ngày 12 tháng 5 năm 2015: Anh H hoàn toàn không biết gì về khoản vay này, chữ ký trong hợp đồng vay không phải là chữ ký của anh H, việc này chính chị H cũng đã thừa nhận. Do đó, anh H không có trách nhiệm và nghĩa vụ đối với khoản vay này.

+ Về khoản vay của ông Nguyễn Văn Tr và bà Lê Thị Bích T: Anh H nhận thấy, giấy cho chị H vay tiền mua nhà của bà T không có ngày, chỉ có tháng 12 năm 2009, cho vay cả đô Mỹ, đô la Úc và tiền Việt đã quy tổng nợ ra tiền việt là 450 triệu đồng (không đưa ra tỷ giá thời điểm đó là bao nhiêu) và bà Hoàn ký làm

chứng. Giấy bà T cho chị H vay 100 triệu đồng và cho 100 triệu đồng từ khoản tiền cho vay mua xe từ trước chuyển sang, không có ngày, tháng, chỉ có năm 2009. Như vậy, nếu điều này là có thật thì lúc đó bà T chỉ đưa chị H 100 triệu đồng, tại sao bà Hoàn lại làm chứng đưa 200 triệu đồng. Bản tổng hợp tiền vay nợ của bà T và chị H thể hiện chị H hiện còn nợ 10.000 đô la Mỹ và 150 triệu đồng, khi cho vay quy ra tiền Việt sao ký nợ lại trả về đô Mỹ, bà Hoàn cũng ký làm chứng là vô lý. Vậy chị H đã trả nợ khi nào và trả bao nhiêu tiền thì không thấy có chứng từ đã ký nhận và làm chứng đối với số tiền đã trả. Ngày 30 tháng 01 năm 2018 đơn yêu cầu giải quyết các khoản nợ của ông Tr bà T lại quy 10.000 đô la Mỹ ra tiền Việt theo thời giá hiện tại là 230 triệu + 150 triệu = 380 triệu đồng. Anh H thấy một người mẹ cho con gái và con rể vay tiền, nH chỉ bắt con gái ký xác nhận và hàng xóm ký làm chứng, không hề đưa cho con rể ký nhận là trái logic, trái với lẽ tự nhiên (vì việc vay mượn tài chính trong gia đình lại cho hàng xóm biết và ký), có nhiều biểu hiện nguỵ tạo chứng cứ để nộp cho Toà án để che giấu sự thật. Vì vậy, anh H phủ nhận khoản vay này và bác bỏ nghĩa vụ đối với yêu cầu đòi nợ của ông Nguyễn Văn Tr, bà Lê Thị Bích T. Đề nghị Hội đồng xét xử bác ý kiến của chị H đề nghị anh phải cùng trả khoản vay này.

+ Về khoản vay của chị Nguyễn Thị Thanh H: Căn cứ vào giấy vay tiền do chị H giao nộp, anh H thấy phần trên là giấy vay tiền H 500 triệu đồng của chị H, không có ngày, chỉ có tháng 8 tháng 2016 và có chị H, chị H ký (không có người làm chứng); phần dưới ghi trả chị H 100 triệu đồng, chị H cho 100 triệu đồng chỉ có chị H ký và chị Nguyễn PH Nga ký người làm chứng, nH không có H ký nhận tiền. Như vậy, thời điểm vay và trả khác nhau, thì chị Nga làm chứng phần nào? Nếu làm chứng phần trả thì phải có chị H ký nhận tiền 100 triệu và không thể làm chứng cả số tiền vay từ trước và số tiền trả nợ cùng một thời điểm được. Điều đó cho thấy việc làm chứng khiên cưỡng nhằm nguỵ tạo hồ sơ nộp cho Toà án để khoác nợ cho bị đơn. Bản tự khai ngày 01 tháng 8 năm 2018 của chị H khai sau khi vay một thời gian chị H mới viết giấy vay này, có chị Nga ký làm chứng. Ngày 16 tháng 8 năm 2018 đơn yêu cầu của H lại nêu việc cho chị H vay nợ có sự chứng kiến của chị Nga (điều này đã mâu thuẫn với lời khai trước đó). Việc vay nợ của chị H, anh H không biết nên anh H bác bỏ nghĩa vụ đối với yêu cầu đòi nợ của chị Nguyễn Thị Thanh H. Hơn nữa, anh H khẳng định bằng tài liệu đã nộp cho Toà án là gia đình anh H không thiếu tiền, vì có rất nhiều sổ tiết kiệm, trong đó ngày 23 tháng 4 năm 2015, có sổ tiết kiệm 700 triệu đồng mang tên chị H nên anh H không phải vay nợ chị H.

Quá trình giải quyết vụ án, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập là anh Nguyễn Anh D, chị Nguyễn Thị H Kh và người đại diện hợp pháp của anh D chị Kh là ông Phạm Quốc T trình bày:

Cuối năm 2009, vợ chồng anh Nguyễn Anh D và chị Nguyễn Thị H Kh có mua căn nhà tại khu dân cư An Khê (nay là Thư Tr 2) phường Đằng L, quận HA, thành phố Hải Ph; có lập hợp đồng mua bán nhà ở ngày 25 tháng 12 năm 2009 giữa bên bán là vợ chồng Quân - Hòa với bên mua là anh D và chị Kh; được công chứng ngày 25 tháng 12 năm 2009, công chứng số 2824, quyển số: 03-AP-TP/CC-SCC/HNGĐ tại Văn phòng công chứng An Phát. Căn nhà này được Uỷ ban nhân dân quận HA cấp giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở, hồ sơ gốc số 00056 ngày 09 tháng 12 năm 2009, có diện tích sàn là 183m^2, gồm 4 tầng, kết cấu bê tông cốt thép, mái bằng, hạng nhà cấp II, trên thửa đất số 64A, tờ bản đồ số 24, diện tích đất 67,2m^2, mang tên anh Nguyễn Anh D và chị Nguyễn Thị H Kh.

Khi mua căn nhà trên, vợ chồng anh D và chị Kh phải vay mượn từ nhiều nguồn để có tiền, trong đó vay ngân hàng và tiền của bố mẹ chị Kh (ông Nguyễn Văn Tr và bà Lê Thị Bích T). Sau khi mua nhà, do không hợp hướng nhà nên vợ chồng anh D chị Kh không ở mà đã mua căn nhà khác để ở. Trong quan hệ gia đình, do vợ chồng anh Phan Văn H và chị Nguyễn Thị Thanh H chưa có nhà ở nên vợ chồng anh D và chị Kh đã cho họ ở tạm cho đến nay. Đồng thời, vợ chồng anh D và chị Kh có mượn của chị H số tiền là 450 triệu đồng để thêm vào mua căn nhà khác tại số 9/231 Văn Cao, quận HA.

Nay do hoàn cảnh anh H chị H giải quyết ly hôn tại Tòa án và anh H lại có yêu cầu đòi chia tài sản chung, trong đó có căn nhà tại Thư Tr 2 mà anh chị ấy đang tạm ở là không đúng. Việc vay mượn bằng tiền mặt là 450 triệu đồng của chị H thì vợ chồng anh D và chị Kh sẽ trả lại, còn bất động sản là nhà và đất ở thì hai bên chưa có bất cứ văn bản nào xác nhận việc chuyển nhượng. Tại phiên tòa, anh H cũng không đưa ra được bằng chứng việc chuyển nhượng căn nhà nêu trên giữa hai bên. Việc vợ chồng anh D, chị Kh yêu cầu Tòa án giải quyết đòi lại tài sản là căn nhà nêu trên là có căn cứ, do đây là tài sản sở hữu hợp pháp đã được cơ quan có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận theo đúng quy định.Vì vậy, đề nghị Tòa án buộc anh Phan Văn H và chị Nguyễn Thị Thanh H phải trả lại cho vợ chồng anh D, chị Kh căn nhà ở tại Khu dân cư An Khê (nay là Thư Tr 2) phường Đằng L, quận HA, thành phố Hải Ph đã có giấy chứng nhận sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở ngày 09 tháng 12 năm 2009 của Uỷ ban nhân dân quận HA.

Quá trình giải quyết vụ án, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập là Phan Văn G (Phan T) và bà Nguyễn Thị S trình bày:

Vợ chồng anh Phan Văn H và chị Nguyễn Thị Thanh H là con trai và con dâu ông bà. Do anh chị mới lấy nhau chưa có kinh tế nên ông bà đã hỗ trợ họ bằng cách đầu tư vốn để kinh doanh chứng khoán, mỗi lần giao tiền đều có mặt cả hai vợ chồng anh chị. Tuy nhiên do việc giao tiền từ bố mẹ với các con nên ông bà không B họ ký nhận tiền và cũng không nhờ người khác chứng kiến mà chỉ ghi

chép lại vào sổ theo dõi của vợ chồng. Khi quyết toán tổng số tiền vay cả anh H và chị H đã làm việc và thống nhất số tiền còn nợ ông bà. Đến khi vợ chồng anh H chị H xảy ra mâu thuẫn làm đơn ra Tòa rồi, ông bà mới yêu cầu anh H ký tên xác nhận số tiền vay này. Việc ông bà cho hai vợ chồng anh H chị H vay tiền để kinh doanh chứng khoán họ hàng đều biết. Tổng số tiền vợ chồng ông bà đã đưa cho anh H và chị H là 1.158.000.000 (một tỷ một trăm năm mươi tám triệu) đồng đến nay cả hai vẫn chưa trả. Nay anh H và chị H ly hôn, ông bà yêu cầuanh H và chị H phải trả cho ông bà tổng số tiền đã vay là 1.158.000.000 (một tỷ một trăm năm mươi tám triệu) đồng.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập là ông Nguyễn Văn Tr và bà Lê Thị Bích T và người đại diện hợp pháp của ông Tr bà T là ông Phạm Quốc T trình bày:

Anh Phan Văn H và chị Nguyễn Thị Thanh H kết hôn năm 2007 trên cơ sở tự nguyện và về chung sống cùng với bố mẹ đẻ của anh H. Tuy nhiên trong quá trình chung sống đã xảy ra mâu thuẫn đặc biệt là mâu thuẫn giữa anh H với mẹ đẻ nên anh H đã thống nhất ra ở riêng. Do anh chị mới cưới nhau chưa có điều kiện về kinh tế nên ông Tr bà T đã phải thu xếp tiền mua nhà cho vợ chồng họ ở. Do chưa có đủ tiền mua nhà nên ông bà phải nhờ vợ chồng em gái của chị H vay ngân hàng để trả tiền mua nhà. Tổng số tiền mua sắm căn nhà là 1.250.000.000 đồng. Ngoài số tiền đã cho anh H chị H, ông bà còn cho họ vay 10.000 USD + 3.500 AUD + 200.000.000 VND. Tất cả những lần vay tiền nói trên ông bà đều ghi vào sổ riêng và chị H có ký tên vào giấy cho vay tiền và có người chứng kiến. Anh H và mọi người trong gia đình đều biết. Sau đó chị H đã trả dần số nợ trên cho ông bà. Hiện vợ chồng chị H còn nợ của ông bà 10.000 USD + 150.000.000 VND. Tổng quy đổi sang tiền VND là 380.000.000 đồng. Trường hợp hai bên ly hôn, phân chia tài sản ông bà yêu cầu họ phải có trách nhiệm trả cho ông bà số tiền còn nợ này.

Quá trình giải quyết vụ án, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập là chị Nguyễn Thị Thanh H trình bày:

Chị là bạn của vợ chồng anh H chị H. Đầu năm 2016, chị được biết chị H muốn đổi mua xe ô tô mới. Ban đầu chị định bán chiếc xe của chị cho chị H, nH sau đó giữ lại cho chồng chị đi nên chị H đã phải tìm mua xe khác là chiếc xe ô tô Mazda 6 mà hiện chị H đang sử dụng. Khi chị H mua chiếc xe này do thiếu tiền nên đã vay của chị 500.000.000 đồng, có viết giấy biên nhận. Sau đó, chị có nói với hai vợ chồng H H rằng chị cho họ 100.000.000 đồng, số tiền còn lại là 400.000.000 đồng chị cho mượn đến khi nào chị cần thì trả lại cho chị. Ngày 07 tháng 9 năm 2016, chị H đã trả cho chị được 100.000.000 đồng. Tính đến nay chị H chỉ còn nợ 300.000.000 đồng. Trường hợp hai bên ly hôn, chị yêu cầu họ phải có trách nhiệm trả cho chị số tiền còn nợ này.

Quá trình giải quyết vụ án, người đại diện hợp pháp của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là Ngân hàng TH mại Cổ phần Xăng dầu Petrolimex (viết tắt là PG Bank) trình bày:

Ngày 01 tháng 12 năm 2018, PG Bank nhận được Thông báo số 11/TB-TA của Tòa án nhân dân quận HA, thành phố Hải Ph về việc thụ lý và giải quyết vụ án ly hôn, tranh chấp về nuôi con, chia tài sản khi ly hôn giữa nguyên đơn là bà Nguyễn Thị Thanh H với bị đơn là ông Phan Văn H. Trong đó có yêu cầu phân chia nghĩa vụ trả nợ đối với khoản vay của bà H và ông H tại PG Bank. Ngân hàng có ý kiến như sau: Bà Nguyễn Thị Thanh H và ông Phan Văn H vay vốn tại PG Bank theo Hợp đồng tín dụng số 208/1034/2015/HĐTD-CN/PGBankHP ngày 12 tháng 05 năm 2015 với số tiền cho vay: 300.000.000 VNĐ; lãi suất cho vay: thay đổi theo quy định của PG Bank từng thời kỳ; thời hạn cho vay: 60 tháng; mục đích sử dụng vốn vay: Tiêu dùng trả nợ gốc và lãi vào ngày: 26 hàng tháng. Do ông H đã đăng ký 02 mẫu chữ ký tại PG Bank nên khi ký hợp đồng tín dụng này ông H không nhất thiết phải đến Ngân hàng. Ngân hàng chỉ cần đối chiếu chữ ký của ông H trong Hợp đồng với chữ ký của ông H đã đăng ký là đồng nhất thì sẽ tiến hành giải ngân theo quy định. Ngày 12 tháng 05 năm 2015 Ngân hàng đã giải ngân cho bà H ông H số tiền là 300.000.000 đồng theo Khế ước nhận nợ số 208/1034/01/2015/KUNN-CN/PGBankHP. Do đó, ông H và bà H cùng phải có nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng. Theo thỏa thuận giữa PG Bank và khách hàng vay vốn tại điểm g khoản 4 Điều 7 của Hợp đồng tín dụng này, PG Bank được quyền thu hồi nợ trước hạn khi "Có các vụ kiện, vụ án hoặc sự kiện đe dọa đến tình hình tài chính, tài sản và khả năng trả nợ của bên vay". Vì vậy, trường hợp bà H và ông H ly hôn, PG Bank đề nghị Tòa án xem xét giải quyết: Buộc bà Nguyễn Thị Thanh H và ông Phan Văn H thanh toán toàn bộ gốc, lãi, phạt phát sinh liên quan tới khoản vay của bà Nguyễn Thị Thanh H và ông Phan Văn H tại Ngân hàng PG Bank theo Hợp đồng tín dụng số 208/1034/2015/HĐTD-CN/PGBankHP ngày 12 tháng 05 năm 2015 tạm tính đến ngày 15 tháng 01 năm 2019 là 80.479.778 đồng.

Với nội dung trên, tại Bản án số 02/2019/HNGĐ-ST ngày 29 tháng 01 năm 2019 của Tòa án nhân dân quận HA đã quyết định:

1. Về hôn nhân: Công nhận việc thuận tình ly hôn giữa chị Nguyễn Thị Thanh H và anh Phan Văn H.

2. Về nuôi con chung: Công nhận sự thỏa thuận giữa chị H và anh H về việc giao con chung là Phan Nguyễn H Nhi sinh ngày 29 tháng 11 năm 2010 cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng đến khi thành niên (đủ 18 tuổi) hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật . Giao con chung là Phan Nguyễn Linh Nhi sinh ngày 11 tháng 5 năm 2013 cho anh H trực tiếp nuôi dưỡng đến khi thành niên (đủ 18 tuổi) hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Chị H và anh H không phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con cho nhau cho đến khi có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật.

3. Về chia tài sản:

- Giao cho chị Nguyễn Thị Thanh H được quyền sở hữu chiếc xe ô tô Mazda 6, biển kiểm sát 15A-259.91 và có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng TH mại Cổ phần Xăng dầu Petrolimex số tiền còn nợ theo nội dung mà hai bên đã thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng số 208/1031/2015/HĐTD-CN/PGBankHP ngày 12 tháng 5 năm 2015.

- Giao cho anh Phan Văn H được quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở đối với ngôi nhà 04 tầng diện tích sàn 183m^2 được xây dựng trên thửa đất số 64A, tờ bản đồ số 24, diện tích 67,2m^2 tại khu dân cư An Khê (Thư Tr II), phường Đằng L, quận HA, thành phố Hải Ph (là diện tích nhà đất mà Ủy ban nhân dân quận HA, thành phố Hải Ph đã cấp giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở số 00056 ngày 09 tháng 12 năm 2009cho anh Nguyễn Anh D và chị Nguyễn Thị H Kh). Anh Phan Văn H phải có nghĩa vụ đến cơ quan nhà nước có thẩm quyền để thực hiện việc đăng ký đất đai, nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất theo quy định của pháp luật.

Anh Phan Văn H có nghĩa vụ thanh toán phần chênh lệch tài sản cho chị Nguyễn Thị Thanh H với số tiền là 822.475.053 đồng (tám trăm hai mươi hai triệu bốn trăm bảy mươi lăm nghìn không trăm năm mươi ba đồng).

4. Về yêu cầu độc lập của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Về yêu cầu độc lập của ông Nguyễn Văn Tr và bà Lê Thị Bích T: Buộc chị Nguyễn Thị Thanh H phải có nghĩa vụ thanh toán cho ông Nguyễn Văn Tr và bà Lê Thị Bích T số tiền là 380.000.000 đồng (ba trăm tám mươi triệu đồng).

Về yêu cầu độc lập của ông Phan Văn G (tức Phan T) và bà Nguyễn Thị S: Buộc anh Phan Văn H phải có nghĩa vụ thanh toán cho ông Phan Văn G (tức Phan T) và bà Nguyễn Thị S số tiền là 1.158.000.000 đồng (một tỷ một trăm năm mươi tám triệu đồng).

Về yêu cầu độc lập của chị Nguyễn Thanh H: Buộc chị Nguyễn Thị Thanh H phải có nghĩa vụ thanh toán cho chị Nguyễn Thị Thanh H số tiền là 300.000.000 đồng (ba trăm triệu đồng).

Về yêu cầu độc lập của chị Nguyễn Thị H Kh và anh Nguyễn Anh D: Không chấp nhận yêu cầu độc lập của chị Nguyễn Thị H Kh và anh Nguyễn Anh D về việc yêu cầu chị Nguyễn Thị Thanh H và anh Phan Văn H trả lại ngôi nhà 04 tầng diện tích sàn 183m^2 được xây dựng trên Thửa đất số 64A, tờ bản đồ số 24,

diện tích 67,2m^2 tại khu dân cư An Khê (Thư Tr II), phường Đằng L, quận HA, thành phố Hải Ph.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về phần án phí và quyền kháng cáo của các đương sự.

- Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 30 tháng 01 năm 2019, chị Nguyễn Thị Thanh H có đơn kháng cáo về ngôi nhà tại khu dân cư An Khê, phường Đằng L, quận HA, thành phố Hải Ph tại thửa đất số 64A, tờ bản đồ số 24, diện tích 67,2m^2 đã được Uỷ ban nhân dân quận HA cấp Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở, quyền sử dụng đất ở cho ông Nguyễn Anh D và vợ là Nguyễn Thị H Kh, không phải tài sản chung của vợ chồng nên không chia. Nguyên đơn và bị đơn chỉ mượn tạm của vợ chồng anh D và chị Kh khi chưa có nhà ở. Nay ly hôn phải trả lại nhà cho họ.

Đối với các khoản nợ 380.000.000 đồng của ông Nguyễn Văn Tr và bà Lê Thị Bích T; khoản nợ 300.000.000 đồng của chị Nguyễn Thị Thanh H; khoản nợ 85.000.000 đồng của Ngân hàng PG Bank để chi tiêu chung trong gia đình và mua sắm xe ô tô nên khi chia tài sản chung là xe ô tô BKS 15A-259.91 đứng tên Nguyễn Thị Thanh H thì cũng phải chia các khoản nợ chung.

- Ngày 31 tháng 01 năm 2019, anh Nguyễn Anh D và chị Nguyễn Thị H Kh có đơn kháng cáo về ngôi nhà tại khu dân cư An Khê, phường Đằng L, quận HA, thành phố Hải Ph tại thửa đất số 64A, tờ bản đồ số 24, diện tích 67,2m^2 đã được Uỷ ban nhân dân quận HA cấp Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở, quyền sử dụng đất ở cho ông Nguyễn Anh D và vợ là Nguyễn Thị H Kh không phải tài sản chung của chị H và anh H. Đây là tài sản của anh D và chị Kh cho anh H và chị H ở nhờ. Nay vợ chồng ly hôn thì phải trả lại nhà đất cho anh D và chị Kh.

- Ngày 31 tháng 01 năm 2019, ông Nguyễn Văn Tr và bà Lê Thị Bích T có đơn kháng cáo yêu cầu anh H và chị H cùng có trách nhiệm trả số nợ 380.000.000 đồng đã vay của ông bà từ năm 2009 để mua nhà.

- Ngày 31 tháng 01 năm 2019, chị Nguyễn Thị Thanh H có đơn kháng cáo yêu cầu anh H và chị H cùng có trách nhiệm trả 300.000.000 đồng đã vay để mua xe ô tô cho chị H.

- Ngày 13 tháng 02 năm 2019, ông Phan Văn G (Phan T) và bà Nguyễn Thị S kháng cáo yêu cầu anh H và chị H cùng có trách nhiệm trả nợ cho ông bà số tiền 1.158.000.000 đồng.

- Ngày 14 tháng 02 năm 2019, anh Phan Văn H kháng cáo yêu cầu Toà án cấp phúc thẩm công nhận số tiền 1.158.000.000 đồng mà ông Phan Văn G (Phan T) và bà Nguyễn Thị S cho vợ chồng anh vay là khoản nợ chung của vợ chồng và

yêu cầu chị H cùng có trách nhiệm trả nợ cho ông Phan Văn G (Phan T) và bà Nguyễn Thị S.

- Ngày 01 tháng 02 năm 2019, Viện trưởng Viện Kiểm sát nhân dân quận HA kháng nghị yêu cầu cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm theo hướng:

1. Bác yêu cầu chia tài sản quyền sử dụng thửa đất số 64A, tờ bản đồ số 24, diện tích 67,2m^2 của anh Phan Văn H vì tài sản trên không phải là tài sản chung của anh H và chị H với căn cứ là hợp đồng mua bán diễn ra từ tháng 12 năm 2009 giữa anh D và chị Kh với bên bán là vợ chồng ông Lưu Thế Quân và bà Phạm Thị Hoà. Hợp đồng mua bán được công chứng và đã được Uỷ ban nhân dân quận HA cấp Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở, quyền sử dụng đất ở cho ông Nguyễn Anh D và vợ là Nguyễn Thị H Kh.

2. Chấp nhận yêu cầu đòi quyền sử dụng thửa đất số 64A, tờ bản đồ số 24, diện tích 67,2m^2 đã được Uỷ ban nhân dân quận HA cấp Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở, quyền sử dụng đất ở cho anh Nguyễn Anh D và vợ là Nguyễn Thị H Kh.

3. Đối với yêu cầu của ông Phan T (Phan Văn G) và bà Nguyễn Thị S: Khoản nợ 1.158.000.000 đồng chỉ có chữ ký của anh H trong sổ của bà S ký nhận tiền và người cho vay là ông Phan T, bà Nguyễn Thị S, tài liệu đương sự giao nộp là bản phô tô. Chị H khai anh H vay tiền để kinh doanh chứng khoán chị không biết về chứng khoán nên đã uỷ quyền toàn bộ việc sử dụng tài khoản cho anh H và không nắm được việc anh H kinh doanh chứng khoán hay vay nợ như thế nào. Nếu đây là khoản vay thật thì chỉ anh H có nghĩa vụ trả nợ, không phải nghĩa vụ chung của chị H và anh H. Tài liệu chứng cứ đương sự giao nộp không đủ căn cứ xác định theo Điều 95 của Bộ luật Tố tụng Dân sự. Tài liệu chứng cứ không đủ căn cứ xác định anh H và chị H là người vay tiền nên việc bản án tuyên anh H có trách nhiệm thanh toán số tiền trên là không có căn cứ, cần bác yêu cầu độc lập của ông Phan T (Phan Văn G) và bà Nguyễn Thị S.

4. Đối với yêu cầu của chị Nguyễn Thị Thanh H đối với số tiền 300.000.000 đồng: Anh H khai giấy vay tiền do chị H nộp cho Toà án không có ngày chỉ ghi tháng 8 tháng 2016 và có H, H ký, không có người làm chứng.Phần dưới ghi trả H 100.000.000 đồng, H cho 100.000.000 đồng nH chỉ có H ký và chị Nguyễn PH Nga ký làm chứng, không có H ký nhận tiền. Như vậy, thời điểm vay và trả khác nhau thì chị Nga làm chứng phần nào? Nếu làm chứng phần trả thì phải có chị H ký nhận số tiền 100.000.000 đồng và không thể làm chứng cả số tiền vay từ trước và số tiền trả nợ cùng một thời điểm. Bản tự khai ngày 01 tháng 8 năm 2018 của chị H khi sau khi vay một thời gian chị H mới viết giấy này, có chị Nga ký làm chứng. Ngày 16 tháng 8 năm 2018 đơn yêu cầu của chị H lại nêu việc cho chị H vay nợ có sự chứng kiến của chị Nga (điều này mâu thuẫn với lời khai trước đó).

Căn cứ vào các tài liệu trên, có đủ căn cứ xác định khoản vay này nếu có thật chỉ là nghĩa vụ riêng của chị H với chị H, không phải nghĩa vụ chung của anh H và chị H. Việc chị H yêu cầu anh H chị H phải trả số tiền này là không có căn cứ, cần bác yêu cầu này của chị H nên bản án sơ thẩm tuyên chị H phải có trách nhiệm thanh toán số tiền trên là không có căn cứ.

5. Đối với yêu cầu của ông Nguyễn Văn Tr và bà Lê Thị Bích T về việc đòi anh H và chị H phải trả số tiền 380.000.000 đồng: Mặc dù chị H thừa nhận khoản vay này nH anh H cho rằng một người mẹ cho con gái và con rể vay tiền nH chỉ bắt con gái ký xác nhận và hàng xóm ký làm chứng là không gic nên phủ nhận khoản vay này.

Căn cứ vào các tài liệu trên, có đủ căn cứ xác định khoản vay này nếu có thật chỉ là nghĩa vụ riêng của chị H với ông Tr và bà T, không phải nghĩa vụ chung của anh H và chị H. Việc ông Tr và bà T yêu cầu anh H chị H phải trả số tiền này là không có căn cứ, cần bác yêu cầu này của ông Tr và bà T, bản án sơ thẩm tuyên chị H phải có trách nhiệm thanh toán số tiền trên là không có căn cứ.

6. Việc Toà án nhân dân quận HA quyết định như đã nêu tại phần quyết định của bản án dẫn đến việc quyết định sai về mức án phí mà các đương sự phải chịu. Do vậy cần sửa về nghĩa vụ chịu án phí của các đương sự theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa phúc thẩm, chị Nguyễn Thị Thanh H và người B vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho chị H thống nhất rút yêu cầu kháng cáo yêu cầu anh Phan Văn H cùng có trách nhiệm trả khoản nợ 300.000.000 đồng với ông Nguyễn Văn Tr và bà Lê Thị Bích T và khoản nợ Ngân hàng PGBank 85.000.000 đồng, yêu cầu kháng cáo còn lại giữ nguyên và trình bày: Nguyên đơn kháng cáo một phần bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm, lý do là Tòa sơ thẩm chưa xem xét khách quan toàn diện vụ án, yêu cầu Tòa phúc thẩm xác định ngôi nhà tại khu An Khê, diện tích đất 67,2m^2 đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho anh Nguyễn Văn D và chị Nguyễn Thị H Kh, nguyên đơn chỉ mượn ở nhà của anh D, chị Kh, không phải là tài sản chung vợ chồng nên không thể chia. Đối với khoản nợ chị H 300 triệu đồng để mua xe, chiếc xe là tài sản chung của vợ chồng thì khoản vay này phải được coi là khoản vay chung của hai vợ chồng. Đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận các yêu cầu kháng cáo của chị Nguyễn Thị Thanh H, sửa bản án sơ thẩm.

Người B vệ quyền và lợi ích hợp pháp của ông Nguyễn Văn Tr và bà Lê Thị Bích T rút yêu cầu kháng cáo yêu cầu anh Phan Văn H cùng có trách nhiệm trả số nợ 380.000.000 đồng đã vay của ông bà từ năm 2009 để mua nhà, ông bà yêu cầu chị H vay thì chị H phải trả.

Người B vệ quyền và lợi ích hợp pháp của anh Nguyễn Anh D và chị Nguyễn Thị H Kh vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo về ngôi nhà tại khu dân cư An Khê, phường Đằng L, quận HA, thành phố Hải Ph tại thửa đất số 64A, tờ bản đồ số 24, diện tích 67,2m^2 đã được Uỷ ban nhân dân quận HA cấp Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở, quyền sử dụng đất ở cho ông Nguyễn Anh D và vợ là Nguyễn Thị H Kh không phải tài sản chung của chị H và anh H. Đây là tài sản của anh D và chị Kh cho anh H và chị H ở nhờ. Nay vợ chồng chị Nguyễn Thị Thanh H và anh Phan Văn H ly hôn thì phải trả lại nhà đất cho anh D và chị Kh.

Chị Nguyễn Thị Thanh H vắng mặt tại phiên tòa, có đơn xin xét xử vắng mặt và giữ nguyên yêu cầu kháng cáo yêu cầu anh H và chị H cùng có trách nhiệm trả 300.000.000 đồng đã vay để mua xe ô tô cho chị H.

Ông Phan Văn G (Phan T) và bà Nguyễn Thị S vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo và trình bày: Vợ chồng ông bà đã đầu tư cho anh H đầu tư chứng khoán, lần thì đưa cho anh H, lần thì đưa cho chị H, tổng số 11 lần, tất cả đều ghi ngày tháng cụ thể. Sau 1 năm đầu tư, ông bà thấy dấu hiệu của chị H không lành mạn nên ngừng đầu tư. Ngày 13 tháng 3 năm 2016, tổng số tiền ông bà đã đầu tư là 1.158.650.000 đồng cho vợ chồng anh H. Hôm quyết toán chị H xuống quyết toán với bà S. Ông bà yêu cầu anh H và chị H cùng có trách nhiệm trả nợ cho ông bà số tiền 1.158.000.000 đồng.

Anh Phan Văn H vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo và trình bày: Anh H kháng cáo 1 phần bản án. Anh H đã vay số tiền 1.158.000.000 đồng vay của bố mẹ để kinh doanh chứng khoán, sau đó chuyển vào tài khoản của chị H để lo toan các công việc của gia đình vì vậy đây là khoản nợ chung hai vợ chồng. Có bản ghi chép của ông bà về việc vay trả nợ, có số liệu giao dịch tại Ngân hàng. Sao kê của Công ty chứng khoán, đầu vào hơn 6 tỷ đồng, đầu ra hơn 7 tỷ đồng. Tài khoản trên Sàn chứng khoán đứng tên chị H, toàn bộ số tiền anh H chuyển khoản đều được chị H rút ra. Toàn bộ tài khoản tại ngân hàng và tài khoản chứng khoán đều mang tên chị H nên chị H nói không biết số tiền bố mẹ anh cho vay là không đúng. Với số tiền vay ông G bà S, là khoản nợ chung. Chị H đã dùng tiền này để mua căn nhà tại khu An Khê.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hải Ph trình bày yêu cầu kháng nghị tại phần phát biểu quan điểm giải quyết vụ án.

* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hải Ph phát biểu quan điểm giải quyết vụ án:

1. Về việc chấp hành pháp luật của cơ quan tiến hành tố tụng và người tiến hành tố tụng: Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử; việc chấp hành pháp luật của các đương

sự kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Tòa án nghị án đã đảm B đúng quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

2. Về nội dung kháng cáo, kháng nghị:

Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ và lời khai của các đương sự tại phiên tòa, có đủ căn cứ đề nghị Hội đồng xét xử:

- Chấp nhận một phần kháng nghị số 01/QĐKNPT-DS ngày 01 tháng 02 năm 2019 của Viện kiểm sát nhân dân quận HA về việc sửa án phí mà các đương sự phải chịu theo quy định của pháp luật;

- Không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn là chị Nguyễn Thị Thanh H, của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Nguyễn Anh D và Nguyễn Thị H Kh, chị Nguyễn Thị Thanh H.

- Chấp nhận kháng cáo của bị đơn là anh Nguyễn Văn H và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là ông Phan Văn G (tức Phan T) và bà Nguyễn Thị S.

Căn cứ Điều 217, Điều 289, Điều 298, khoản 2 Điều 308 Bộ luật TTDS, Khoản 2 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, đề nghị Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm:

- Chấp nhận yêu cầu độc lập của ông Phan Văn G (tức Phan T) và bà Nguyễn Thị S buộc anh Phan Văn H và chị Nguyễn Thị Thanh H mỗi người phải có nghĩa vụ thanh toán cho ông G, bà S số tiền bằng ½ là 1.158.000.000/2 = 579.000.000 đồng;

- Chấp nhận một phần yêu cầu độc lập của chị Nguyễn Thị Thanh H buộc chị Nguyễn Thị Thanh H phải có nghĩa vụ thanh toán cho chị H số tiền 300.000.000 đồng.

Đối trừ nghĩa vụ: Anh Phan Văn H còn phải thanh toán phần chênh lệch tài sản cho chị Nguyễn Thị Thanh H số tiền 822.475.053 đồng (1.174.975.053 – 352.500.000 đồng).

Đình chỉ xét xử phúc thẩm phần kháng cáo của ông Nguyễn Văn Tr và bà Lê Thị Bích T về yêu cầu chị Nguyễn Thị Thanh H và anh Phan Văn H phải có nghĩa vụ thanh toán khoản nợ chung số tiền 380 triệu đồng.

Đình chỉ xét xử phúc thẩm phần kháng cáo của ông Nguyễn Văn Tr và bà Lê Thị Bích T về yêu cầu chị Nguyễn Thị Thanh H và anh Phan Văn H phải có nghĩa vụ thanh toán khoản nợ chung số tiền 380 triệu đồng.

Đình chỉ xét xử phúc thẩm phần kháng cáo của chị Nguyễn Thị Thanh H về nội dung chị Nguyễn Thị Thanh H và anh Phan Văn H phải có nghĩa vụ thanh toán

khoản nợ chung của ông Tr và bà T số tiền 380 triệu đồng và nợ Ngân hàng PG Bank 85 triệu đồng.

- Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị thanh H phải nộp 150.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm đối với việc thuận tình ly hôn, 57.824.252 đồng án phí chia tài sản khi ly hôn và 41.370.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm đối với nghĩa vụ trả nợ.Tổng cộng là: 99.194.252 đồng; Anh Phan Văn H phải nộp 150.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm đối với việc thuận tình ly hôn, 57.824.252 đồng án phí chia tài sản khi ly hôn và 27.160.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm đối với nghĩa vụ trả nợ.Tổng cộng là: 84.984.252 đồng.

- Về án phí dân sự phúc thẩm: Do sửa bản án nên các đương sự kháng cáo không nộp án phí phúc thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Chị H có yêu cầu ly hôn,tranh chấp về nuôi con, chia tài sản khi ly hôn đối với anh H là bị đơn có nơi cư trú tại số 02/81 đường Ngô Gia Tự, phường Đằng L, quận HA, thành phố Hải Ph nên của Tòa án nhân dân quận HA, thành phố Hải Ph giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về sự vắng mặt của người đại diện theo ủy quyền của Ngân hàng TH mại Cổ phần Xăng dầu Petrolimex và chị Nguyễn Thị Thanh H nH có đơn yêu cầu Tòa án xét xử vắng mặt. Căn cứ vào Điều 296 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt họ.

- Xét kháng cáo của chị Nguyễn Thị Thanh H, anh Nguyễn Anh D, chị Nguyễn Thị H Kh và xét kháng nghị của Viện trưởng Viện Kiểm sát nhân dân quận HA về căn nhà trên diện tích đất 67,2m^2 tại thửa đất số 64A, tờ bản đồ số 24, diện tích 67,2m^2 đã được Uỷ ban nhân dân quận HA cấp Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở, quyền sử dụng đất ở cho anh Nguyễn Anh D và vợ là Nguyễn Thị H Kh thấy:

[3] Tại phiên tòa phúc thẩm, chị H khai: Tại Biên bản làm việc ngày 08 tháng 11 năm 2017, chị H và anh H thống nhất vợ chồng có tài sản chung là mảnh đất 67m^2, trên đất có ngôi nhà 3,5 tầng tại khu dân cư Tr Thư II, phường Đằng L, quận HA, Hải Ph mua từ năm 2009, nhờ vợ chồng em gái chị H là Nguyễn Thị H Kh và Nguyễn Anh D đứng tên Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Và một xe ô tô Mazda 6 mua năm 2016 đứng tên Nguyễn Thị Thanh H. Chị H yêu cầu được tự thoả thuận phân chia tài sản chung, hiện các giấy tờ liên quan đến hai tài sản này, chị H đang quản lý. Lời khai của chị H tại phiên tòa phúc thẩm, lời khai của chị H anh H tại biên bản làm việc ngày 08 tháng 11 năm 2017 phù hợp với lời khai của

ông Nguyễn Văn Tr và bà Lê Thị Bích T tại biên bản ghi lời khai ngày 29 tháng 01 năm 2018, ông bà khai: "... Thời điểm ấy, cả hai mới lấy nhau chưa có điều kiện về kinh tế nên vợ chồng tôi phải đi tìm nhà và đứng ra mua nhà hộ anh H và chị H tại khu dân cư Thư Tr 2, phường Đằng L, quận HA, Hải Ph vào cuối năm 2009 với giá 1.250.000.000 đồng. Tuy nhiên không đủ tiền để trả tiền mua nhà nên vợ chồng tôi đã nhờ vợ chồng em gái H là Nguyễn Thị H Kh và Nguyễn Anh D dùng tài sản riêng của họ đứng ra vay thêm Ngân hàng để trả một phần tiền mua nhà và để họ đứng tên quyền sở hữu ngôi nhà này….". Và cũng tại đơn yêu cầu ngày 30 tháng 01 năm 2018, ông Tr bà T vẫn xác nhận: "Do mới cưới nhau chưa có điều kiện kinh tế nên chúng tôi đã phải thu xếp tiền mua căn nhà cho anh H chị H ở, do chưa đủ tiền mua căn nhà, chúng tôi đã nhờ vợ chồng em gái của H là chị Kh anh D vay Ngân hàng để trả tiền mua nhà". Lời khai của ông Tr bà T, anh H chị H phù hợp với lời khai của anh D chị Kh tại bút lục số 67 như sau: "Năm 2009, bố mẹ tôi là ông Nguyễn Văn Tr và bà Lê Thị Bích T có mua căn nhà 04 tầng tại khu An Khê, phường Đằng L, quận HA, Hải Ph với số tiền 1.250.000.000 đồng, tuy nhiên do không đủ tiền nên ông bà phải vay vốn Ngân hàng số tiền là 450.000.000 đồng. Vì ông bà nghỉ hưu không thể chứng minh được nguồn thu nhập hàng tháng đủ đảm B khả năng trả nợ cho Ngân hàng nên đã phải nhờ vợ chồng tôi đứng tên bìa đỏ cũng như đứng ra vay vốn và làm các thủ tục vơi Ngân hàng…". Như vậy, căn cứ vào các lời khai trên, các đương sự đã thừa nhận mảnh đất 67m^2, trên đất có ngôi nhà 3,5 tầng tại khu dân cư Tr Thư II, phường Đằng L, quận HA, Hải Ph là tài sản chung của chị H và anh H mua từ năm 2009, trong đó có nhờ vợ chồng anh D vay Ngân hàng giúp 450.000.000 đồng.

[4] Trong quá trình giải quyết tại cấp sơ thẩm, chị H, chị Kh và anh D thay đổi lời khai. Anh D chị Kh cho rằng ngôi nhà trên là của vợ chồng anh D mua từ năm 2009, do vay mượn từ nhiều nguồn tiền, trong đó có vay Ngân hàng và vay của bố mẹ chị H. Do anh H chị H không có chỗ ở nên cho ở nhờ. NH căn cứ vào các bản sao kê tài khoản tại Ngân hàng của chị Nguyễn Thị Thanh H và tài khoản của anh Nguyễn Anh D thể hiện chị H và anh H đã chuyển tiền vào tài khoản của anh D số tiền gốc là 450.000.000 đồng và lãi là 91.701.159 đồng. Các tài liệu sao kê phù hợp với lời khai ban đầu của các đương sự khai khi chị H anh H mua nhà không đủ tiền nên đã nhờ anh D chị Kh vay tiền 450.000.000 đồng của Ngân hàng. Mặt khác, tại Bản tự khai ngày 12 tháng 01 năm 2018 của chị H khai về nguồn tiền mua ngôi nhà là vợ chồng em gái cho vay 450.000.000 đồng, tiền bán xe ô tô Ford Mondeo (khi mua xe ô tô mẹ tôi cho 100 triệu đồng và cho vay thêm 100 triệu đồng nữa, 50 triệu đồng là của chúng tôi. Khi mua nhà sau đấy, khoản 100 triệu đồng mẹ tôi cho vay mua xe cũng cho tôi khi mua nhà). Chị H khai,mẹ chị bỏ ra thêm số tiền 450.000.000 đồng và vợ chồng chị thu gom được 100.000.000 đồng, hiện còn nợ mẹ chị 380.000.000 đồng tiền mua nhà. Tại đơn kháng cáo, chị H vẫn yêu cầu chị và anh H phải trả ông Tr bà T 380.000.000 đồng. Tại phiên tòa phúc

thẩm, chị H khai số tiền 380.000.000 đồng sau khi vay của ông Tr bà T chị đã chuyển cho vợ chồng anh D chị Kh vay lại để chứng minh về ngôi nhà đang tranh chấp là của vợ chồng chị Kh anh D nH chị H không có tài liệu nào chứng minh đã chuyển số tiền này cho vợ chồng anh D chị Kh. Mặt khác, người đại diện hợp pháp của ông Tr bà T vẫn yêu cầu chị H có trách nhiệm trả số nợ trên cho ông bà. Như vậy, việc chị H thay đổi lời khai cho rằng ngôi nhà trên là tài sản của anh D và chị Kh là mâu thuẫn với chính yêu cầu của chị về nghĩa vụ thanh toán số nợ 380.000.000 đồng cho ông Tr bà T vì nếu ngôi nhà này là của anh D và chị Kh mua được từ số tiền của ông Tr bà T và vay Ngân hàng thì tại sao chị H vẫn yêu cầu anh H cùng có nghĩa vụ trả số nợ trên cho bố mẹ chị khi chị khai số tiền trên là của bố mẹ chị bỏ ra thêm khi mua nhà và chị H phải trả số tiền 450.000.000 đồng cùng tiền lãi cho anh D và chị Kh. Và trên thực tế anh H, chị H sinh sống tại ngôi nhà trên từ năm 2009 đến thời điểm ly hôn các bên không có tranh chấp. Tài liệu là Hợp đồng mua bán thể hiện bên bán là ông Lưu Thế Quân và bà Phạm Thị Hoà, bên mua là anh Nguyễn Anh D và chị Nguyễn Thị H Kh nH tại cấp sơ thẩm đã ghi lời khai của ông Lưu Thế Quân xác nhận vợ chồng ông bán ngôi nhà trên cho anh H và chị H, toàn bộ quá trình giao dịch mua bán nhà chỉ làm việc với anh H chị H, vợ chồng ông Quân đã nhận đủ số tiền mua nhà từ chị H và anh H, ông Quân đã kí vào hợp đồng mua bán nH nội dung hợp đồng viết như thế nào thì ông không biết.

[5] Tại phiên tòa phúc thẩm, chị H giao nộp cho Hội đồng xét xử bản ghi lời khai của bà Hoà do Luật sư của chị ghi lời khai của bà Hòa xác nhận quá trình mua bán nhà, ông Quân bà Hòa không biết anh H là ai, ông Quân không tham gia vào việc mua bán nhà, chỉ đến khi ra Văn phòng Công chứng, bà Hòa mới gọi ông Quân ra để kí vào hợp đồng mua bán nhà. Ngoài ra, chị H cũng nộp một giấy biên nhận đặt cọc giữa bà Hòa với anh D có chị H làm chứng để chứng minh vợ chồng anh D là người mua nhà của ông Quân bà Hòa. và giấy biên nhận thể hiện nội dung: "Tôi là Lưu Thế Quân và vợ là Phạm Thị Hòa nhận 01 sổ tiết kiệm có kỳ hạn 109.000.000 đồng mang tên Nguyễn Thị Thanh H… để làm khoản đặt cọc mua nhà… với ông Nguyễn Anh D và chị Nguyễn Thị H Kh" nH chỉ có một mình bà Hòa kí tên, không có ông Quân.

[6] Đánh giá chứng cứ, Hội đồng xét xử phúc thẩm thấy ông Quân và bà Hòa là vợ chồng nH lời khai có mâu thuẫn với nhau. Lời khai của bà Hòa do chị H cung cấp không có xác nhận chữ ký và chữ viết của bà Hòa nên chưa có căn cứ xác nhận nội dung theo văn bản lấy ý kiến của bà Hòa. Tại cấp sơ thẩm, các đương sự không cung cấp được địa chỉ của bà Hòa cho Tòa án nên Tòa sơ thẩm không ghi được lời khai của bà Hòa là không có lỗi. Đối với tài liệu là lời khai của ông Quân đã được tòa án cấp sơ thẩm ghi lời khai của ông theo đúng trình tự tố tụng nên có giá trị pháp lý. Mặt khác, căn cứ vào giấy biên nhận đặt cọc không có chữ ký chữ viết của ông Quân cho thấy lời khai của ông Quân tại Tòa án sơ thẩm là có căn cứ.

[7] Từ các chứng cứ và nhận định như trên, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận thấy việc thay đổi lời khai của chị H, anh D, chị Kh không phù hợp với các chứng cứ khác và mâu thuẫn với chính lời khai ban đầu của họ. Như vậy, Toà án cấp sơ thẩm đánh giá chứng cứ và nhận định ngôi nhà 04 tầng diện tích sàn 183m^2 được xây dựng trên thửa đất số 64A, tờ bản đồ số 24, diện tích 67,2m^2 đã được Uỷ ban nhân dân quận HA cấp Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở, quyền sử dụng đất ở số 00056 ngày 09 tháng 12 năm 2009 mang tên Nguyễn Anh D và vợ là Nguyễn Thị H Kh là tài sản chung của anh Phan Văn H và chị Nguyễn Thị Thanh H có trong thời kỳ hôn nhân của anh H chị H, chị Nguyễn Thị H Kh và anh Nguyễn Anh D chỉ là người đứng tên hộ là có căn cứ. Do vậy, không chấp nhận kháng cáo của chị H, anh D, chị Kh và kháng nghị của Viện trưởng Viện Kiểm sát nhân dân quận HA về nội dung này.

- Về kháng cáo của ông Nguyễn Văn Tr, bà Lê Thị Bích T, chị Nguyễn Thị Thanh H yêu cầu anh H cùng có nghĩa vụ trả ông Tr và bà T số tiền 380.000.000 đồng, và kháng nghị của Viện trưởng Viện Kiểm sát nhân dân quận HA bác yêu cầu của ông Tr bà T đối với số tiền trên:

[8] Tại phiên tòa phúc thẩm, ông Tr bà T yêu cầu chị H phải thanh toán cho ông bà toàn bộ số tiền 380.000.000 đồng, vì số tiền trên ông bà đưa trực tiếp cho chị H. Ông Tr bà T rút kháng cáo yêu cầu anh H cùng có trách nhiệm trả nợ cho ông bà. Xét thấy yêu cầu của ông Tr bà T phù hợp với lời khai của chị H tại phiên tòa phúc thẩm. Đối với khoản vay này anh H không biết, chỉ đến khi chị H có yêu cầu ly hôn và yêu cầu anh H cùng có trách nhiệm thanh toán khoản nợ này thì anh H mới biết. Chị H rút kháng cáo yêu cầu anh H cùng có trách nhiệm trả nợ cho bố mẹ của chị. Ông Tr bà T, chị H đồng ý với bản án sơ thẩm quyết định chị H phải trả 380.000.000 đồng cho ông Tr bà T. Xét yêu cầu rút kháng cáo của ông Tr bà T và chị H thuộc trường hợp quy định tại điểm c khoản 1 Điều 289 của Bộ luật Tố tụng dân sự nên được chấp nhận. Như vậy, kháng nghị của Viện trưởng Viện Kiểm sát nhân dân quận HA không có căn cứ chấp nhận.

- Xét kháng cáo của anh H, bà S, ông G (T) và kháng nghị của Viện trưởng Viện Kiểm sát nhân dân quận HA đối với số tiền 1.158.000.000 đồng:

[9] Theo tài liệu là sổ ghi nhận nợ của ông G bà S giao nộp cho Tòa án có thể hiện cụ thể ngày tháng năm đưa tiền và số tiền đã đưa cho H, trong đó có thể hiện ngày 28 tháng 3 năm 2007 đưa H 100 triệu đồng. Mặc dù tại sổ ghi nhận nợ chỉ có chữ ký xác nhận của anh Phan Văn H, không có chữ ký của chị Nguyễn Thị Thanh H và theo lời khai của ông G bà S thì sau khi chị H gửi đơn ra Tòa, bà mới yêu cầu anh H ký tên xác nhận việc vay nợ nH tại sổ ghi nhận nợ có thể hiện nội dung "ngày 12 tháng 3 năm 2009 H và mẹ cùng khóa sổ đầu tư tổng số tiền mẹ đưa cho H H là 1.158.000 đồng…". Tại phiên tòa phúc thẩm, chị H thừa nhận vào ngày 12 tháng 3 năm 2009, bà S đã yêu cầu chị cùng bà S khóa sổ nội

dung nợ số tiền trên nH do chị không biết số tiền cụ thể nên có yêu cầu anh H xác nhận lại số nợ với bà S. Việc bà S đóng khung số nợ trong sổ nợ của bà S là đúng. Như vậy, tại thời điểm tháng 3 năm 2009 chị H đã biết vợ chồng chị còn nợ ông G bà S số tiền 1.158.000.000đồng.

[10] Chị H không chấp nhận có nghĩa vụ trả nợ cho ông G bà S như đơn kháng cáo của ông bà. Tuy nhiên, bà S, ông G, anh H đều khai số tiền trên là do bà S và ông G cho vợ chồng anh H chị H vay để chơi chứng khoán. Lời khai của ông bà phù hợp với tài liệu do cấp sơ thẩm thu thập được là Hợp đồng mở tài khoản giao dịch chứng khoán ngày 17 tháng 8 năm 2007 mang tên chị Nguyễn Thị Thanh H với Chi nhánh Hải Ph Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn, số tài khoản 003C400381. Chị H thừa nhận có mở tài khoản chứng khoán nH đã ủy quyền cho anh H toàn quyền sử dụng tài khoản chứng khoán của chị, việc anh H chơi chứng khoán chị H không biết. Anh H nợ tiền bố mẹ để chơi chứng khoán thì phải có nghĩa vụ trả cho bố mẹ. Tuy nhiên, căn cứ vào các tài liệu sao kê tài khoản của chị H tại Công ty Chứng khoán SSI và tài liệu sao kê tài khoản của chị H tại Ngân hàng PG cho thấy ngày 30 tháng 12 năm 2009, anh H nộp vào tài khoản của chị H 100 triệu đồng, ngày 29 tháng 4 năm 2010 anh H nộp vào tài khoản của chị H 590 triệu đồng, ngày 04 tháng 01 năm 2011 anh H nộp vào tài khoản của chị H 100 triệu đồng, ngày 09 tháng 02 năm 2011 anh H nộp vào tài khoản của chị H 40 triệu đồng, ngày 24 tháng 5 năm 2011 anh H nộp vào tài khoản của chị H 120 triệu đồng. Toàn bộ số tiền trên được thể hiện anh H rút từ tài khoản chứng khoán để chuyển sang tài khoản của chị H mở tại Ngân hàng PG là 1.063.000.000 đồng. Chị H thừa nhận số tiền 1.063.000.000 đồng đã được chuyển từ tài khoản chứng khoán vào tài khoản của chị được mở tại Ngân hàng PG và chị đã rút ra một số tiền để chi tiêu cho sinh hoạt gia đình, và rút ra 590.000.000 đồng để mở hai sổ tiết kiệm nH sau đó đã gửi lại số tiền 590.000.000 đồng cho anh H. Như vậy, chị H khai đã ủy quyền hết cho anh H chơi chứng khoán và không biết việc anh H chơi chứng khoán để từ chối nghĩa vụ thanh toán nợ cho ông G bà S là không có căn cứ. Người B vệ quyền, lợi ích hợp pháp của chị H cho rằng hợp đồng uỷ quyền đã hết thời hiệu một năm theo quy định của Bộ luật Dân sự nH anh H vẫn sử dụng tài khoản chứng khoán của chị là vi phạm quy định của Bộ luật Dân sự tuy nhiên trong suốt thời gian anh H chơi chứng khoán từ tài khoản của chị H, chị H không có ý kiến gì và khi anh H rút tiền từ tài khoản chứng khoán để chuyển sang tài khoản mở tại Ngân hàng PG của chị thì chị vẫn sử dụng và chi tiêu cho sinh hoạt gia đình như lời khai của chị. Như vậy là chị H vẫn tiếp tục đồng ý cho anh H sử dụng tài khoản chứng khoán của chị nên việc anh H sử dụng tài khoản chứng khoán của chị H là không vi phạm quy định của Bộ luật Dân sự.

[11] Từ các căn cứ trên, thấy lời khai của vợ chồng ông G bà S khai cho vợ chồng anh H vay tiền chơi chứng khoán là có căn cứ nên kháng cáo của ông G bà S

yêu cầu xác định đây là khoản nợ chung của anh H và chị H được chấp nhận. Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng nghị của Viện Kiểm sát nhân dân quận HA. Chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông G bà S yêu cầu chị H và anh H cùng có trách nhiệm thanh toán số nợ 1.158.000.000 đồng cho bà S và ông G (T), mỗi người có trách nhiệm trả ½ số tiền còn nợ là 579.000.000 đồng.

[12] Về số tiền 300.000.000 đồng vay của chị Nguyễn Thị Thanh H: Tại phiên toà phúc thẩm chị H khai, số tiền trên chị H tự giao dịch với chị H, chị không nói cho anh H biết việc chị vay tiền của chị H cho đến khi anh chị ly hôn tại Tòa án anh H mới biết vì chị có yêu cầu anh H trả số nợ trên cho chị H. Lời khai của chị H tại phiên toà phúc thẩm phù hợp với lời khai của anh H không biết chị H vay tiền của chị H, phù hợp với giấy vay tiền mà chị H giao nộp cho Tòa án thể hiện việc vay tiền giữa chị Nguyễn Thị Thanh H và chị Nguyễn Thị Thanh H, có chữ ký xác nhận nợ của chị H và người làm chứng Nguyễn PH Nga. Chị H khai giấy vay tiền này được lập sau thời điểm chị H vay tiền và chị Nga ký xác nhận sau thời điểm chị H vay tiền. Chị Nguyễn PH Nga cũng xác nhận khi vay chỉ có H và chị H giao dịch với nhau, anh H không có mặt. Mặc dù chị H khai vay tiền của chị H để mua xe ô tô và xe ô tô được xác định là tài sản chung để chia thì phải xác định số nợ của chị H nH chị H không có chứng cứ chứng minh chị vay tiền của chị H để mua xe ô tô trong khi đó anh H chứng minh được tại thời điểm mua xe ô tô vợ chồng đã có các khoản tích lũy từ tài khoản chứng khoán và sổ tiết kiệm của chị H rút ra từ tài khoản chứng khoán thể hiện tại các sao kê có trong hồ sơ vụ án. Như vậy, không có căn cứ để xác định số nợ 300.000.000 đồng là nợ chung của chị H và anh H nên không chấp nhận kháng cáo của chị H yêu cầu anh H cùng có nghĩa vụ thanh toán nợ cho chị. Chị H thừa nhận hiện còn nợ của chị H số tiền 300.000.000 đồng nên chấp nhận một phần yêu cầu độc lập của chị H, yêu cầu H phải có nghĩa vụ trả nợ chị H. Không chấp nhận kháng nghị của Viện trưởng Viện Kiểm sát nhân dân quận HA.

[13] Về kháng cáo của chị H yêu cầu anh H cùng có trách nhiệm đối với khoản vay tại Ngân hàng TH mại Cổ phần Xăng dầu Petrolimex Chi nhánh Hải Ph theo Hợp đồng tín dụng số 208/1031/2015/HĐTD-CN/PGBankHP ngày 12 tháng 5 năm 2015: Tại phiên tòa phúc thẩm, chị H rút kháng cáo về việc yêu cầu anh H cùng có trách nhiệm trả số nợ này cho Ngân hàng, đồng ý với bản án sơ thẩm quyết định chị có trách nhiệm thanh toán toàn bộ số nợ còn lại theo Hợp đồng tín dụng đã ký với Ngân hàng. Xét thấy việc chị H rút kháng cáo phù hợp với điểm c khoản 1 Điều 289 của Bộ luật Tố tụng dân sự nên được chấp nhận. Như vậy, kháng nghị của Viện trưởng Viện Kiểm sát nhân dân quận HA không có căn cứ chấp nhận. Tuy nhiên, theo bảng kê Ngân hàng PGBANK cung cấp thì hiện dư nợ của khoản vay này chỉ còn 80.479.778 đồng, nH bản án sơ thẩm là chỉ tuyên chị H "có

nghĩa vụ trả cho Ngân hàng TH mại Cổ phần Xăng dầu Petrolimex số tiền còn nợ...” là chưa cụ thể. Cần sửa lại phần này của bản án sơ thẩm.

[14] Về kháng nghị sửa án phí của Viện trưởng Viện Kiểm sát nhân dân quận HA: Do kháng cáo của ông G bà S được chấp nhận, yêu cầu độc lập của chị H, ông Tr bà T được chấp nhận một phần cũng như bản án sơ thẩm chưa quyết định án phí đối với chị H về nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng PG nên phải tính lại nghĩa vụ phải chịu án phí dân sự đối với các đương sự. Do đó chấp nhận kháng nghị của Viện trưởng Viện Kiểm sát nhân dân quận HA về nội dung này.

[15] Về án phí ly hôn sơ thẩm: Chị H và anh H phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm.

[16] Về án phí dân sự sơ thẩm:

[16.1] Chị Nguyễn Thị Thanh H và anh Phan Văn H phải chịu án phí chia tài sản chung của vợ chồng tương ứng với giá trị phần tài sản mà họ được chia. Theo kết luận định giá thì tổng giá trị tài sản chung của anh H chị H là 3.054.950.000 đồng nên mỗi người được hưởng phần giá trị tài sản là 1.527.475.000 đồng. Bản án sơ thẩm xác định giá trị tài sản mỗi bên được hưởng là 1.500.475.053 đồng và tính án phí cho đương sự phải chịu mỗi người 57.014.252 đồng là chưa chính xác do vậy cần sửa lại nghĩa vụ chịu án phí về yêu cầu chia tài sản chung đối với chị H và anh H.

[16.2] Xét thấy Bản án sơ thẩm quyết định chị H phải chịu nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng mà không yêu cầu chị H phải chịu án phí đối với số tiền này là thực hiện không đúng quy định Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và Điều 26, Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Do vậy, cần sửa lại nghĩa vụ chịu án phí đối với chị H về nghĩa vụ thanh toán nợ cho Ngân hàng TH mại Cổ phần Xăng dầu Petrolimex. Chị Nguyễn Thị Thanh H phải chịu án phí đối với nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng TH mại Cổ phần Xăng dầu Petrolimex số tiền dư nợ còn: 80.479.778 đồng. Án phí đối với khoản nợ này là: 4.023.989 đồng.

[16.3] Chị Nguyễn Thị Thanh H yêu cầu chị Nguyễn Thị Thanh H và anh Phan Văn H phải có trách nhiệm trả số nợ 300.000.000 đồng cho chị nH bản án sơ thẩm quyết định chị H phải có nghĩa vụ thanh toán nợ cho chị H là chấp nhận một phần yêu cầu độc lập của chị H. Do vậy, chị H và chị H cùng phải chịu án phí đối với yêu cầu độc lập của chị H. Cụ thể chị H và chị H mỗi phải chịu 7.500.000 đồng.

[16.4] Ông Nguyễn Văn Tr và bà Lê Thị Bích T yêu cầu là chị Nguyễn Thị Thanh H và anh Phan Văn H phải có trách nhiệm trả số nợ 380.000.000 đồng cho ông bà nH bản án sơ thẩm quyết định chị H phải có nghĩa vụ thanh toán nợ cho ông bà là chấp nhận một phần yêu cầu độc lập của ông bà. Do vậy, ông Tr bà T và

chị H cùng phải chịu án phí đối với yêu cầu độc lập của ông Tr bà T. Cụ thể chị H phải chịu 9.500.000 đồng, ông Tr bà T phải chịu 9.500.000 đồng.

[16.5] Anh Phan Văn H và chị Nguyễn Thị Thanh H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu độc lập của ông Phan Văn G và bà Nguyễn Thị S được Tòa án phúc thẩm chấp nhận. Cụ thể anh H, chị H mỗi người phải chịu 27.000.000 đồng. Lẽ ra khi bản án sơ thẩm quyết định anh H có nghĩa vụ thanh toán toàn bộ số nợ cho ông G bà S, tức là chấp nhận một phần yêu cầu độc lập của ông G bà S thì phải quyết định nghĩa vụ án phí đối với ông G bà S nH bản án sơ thẩm quyết định anh H phải chịu toàn bộ án phí đối với yêu cầu độc lập của ông G bà S là chưa đúng.

[16.6] Anh Nguyễn Anh D và chị Nguyễn Thị H Kh phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo phần yêu cầu độc lập không được Tòa án chấp nhận là 300.000 đồng.

[16.7] Trả lại ông Phan Văn G và bà Nguyễn Thị S số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp.

[17] Về án phí dân sự phúc thẩm: Chị Nguyễn Thị Thanh H, ông Nguyễn Văn Tr và bà Lê Thị Bích T, chị Nguyễn Thị Thanh H, anh Nguyễn Anh D và chị Nguyễn Thị H Kh , anh Phan Văn H, ông Phan Văn G (tức Phan T) và bà Nguyễn Thị S không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

[18] Về chi phí tố tụng khác: Do không có kháng cáo, kháng nghị nên quyết định của bản án có hiệu lực pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, khoản 5 Điều 165, Điều 228, Điều 273, điểm c khoản 1 Điều 289, khoản 2 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 19, 51, 56, 81, 82 và 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ vào các Điều 130, 166, 168, 357, Điều 463, Điều 466, khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự;

Căn cứ vào Điều 95, Điều 99 của Luật Đất đai;

Căn cứ vào khoản 6 Điều 26, điểm a khoản 2 và điểm a, điểm b khoản 5 Điều 27, Điều 29 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

Tuyên xử:

Sửa bản án sơ thẩm số 02/2019/HNGĐ-ST ngày 29 tháng 01 năm 2019 của Toà án nhân dân quận HA, thành phố Hải Ph:

Không chấp nhận kháng cáo của chị Nguyễn Thị Thanh H, anh Nguyễn Anh D và chị Nguyễn Thị H Kh, ông Nguyễn Văn Tr và bà Lê Thị Bích T, chị Nguyễn Thị Thanh H.

Chấp nhận kháng cáo của anh Phan Văn H, ông Phan Văn G (tức Phan T) và bà Nguyễn Thị S.

Chấp nhận kháng nghị của Viện trưởng Viện Kiểm sát nhân dân quận HA, thành phố Hải Ph về việc sửa án phí dân sự sơ thẩm

Đình chỉ yêu cầu kháng cáo của chị Nguyễn Thị Thanh H, ông Nguyễn Văn Tr và bà Lê Thị Bích T về yêu cầu anh Phan Văn H có trách nhiệm cùng chị H trả số nợ 380.000.000 đồng cho ông Tr bà T.

Đình chỉ yêu cầu kháng cáo của chị Nguyễn Thị Thanh H về yêu cầu anh Phan Văn H có trách nhiệm cùng chị H trả số nợ 80.479.778 đồng cho Ngân hàng TH mại Cổ phần Xăng dầu Petrolimex.

1.Về quan hệ hôn nhân: Công nhận thuận tình ly hôn giữa chị Nguyễn Thị Thanh H và anh Phan Văn H.

2. Về nuôi con: Công nhận sự thỏa thuận giữa chị Nguyễn Thị Thanh H và anh Phan Văn H về việc giao con chung là Phan Nguyễn H Nhi, sinh ngày 29 tháng 11 năm 2010 cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng đến khi thành niên (đủ 18 tuổi) hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật. Giao con chung là Phan Nguyễn Linh Nhi, sinh ngày 11 tháng 5 năm 2013 cho anh H trực tiếp nuôi dưỡng đến khi thành niên (đủ 18 tuổi) hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Chị H và anh H không phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con cho nhau cho đến khi có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật.

3. Về chia tài sản:

Chị Nguyễn Thị Thanh H được quyền sở hữu chiếc xe ô tô Mazda 6, biển kiểm soát: 15A-259.91 trị giá 705.000.000 đồng nH phải thanh toán cho H 352.500.000 đồng giá trị chênh lệch tài sản được hưởng.

Anh Phan Văn H được quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở đối với ngôi nhà 04 tầng diện tích sàn 183m^2 được xây dựng trên thửa đất số 64A, Tờ bản đồ số 24, diện tích 67,2m^2 tại khu dân cư An Khê (Thư Tr II), phường Đằng L, quận HA, thành phố Hải Ph trị giá 2.349.950.106 đồng (là diện tích nhà đất mà Ủy ban nhân dân quận HA, thành phố Hải Ph đã chứng nhận cho anh Nguyễn Anh D và chị Nguyễn Thị H Kh theo Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở số 00056 ngày 09 tháng 12 năm 2009). Anh Phan Văn H phải có nghĩa

vụ đến cơ quan nhà nước có thẩm quyền để thực hiện lại việc đăng ký đất đai, nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất theo quy định của pháp luật.

Đối trừ nghĩa vụ giữa anh H và chị H do vậy anh Phan Văn H có trách nhiệm thanh toán phần chênh lệch tài sản cho chị Nguyễn Thị Thanh H với số tiền là 822.475.053 đồng (tám trăm hai mươi hai triệu bốn trăm bảy mươi lăm nghìn không trăm năm mươi ba đồng).

Về nghĩa vụ thanh toán nợ: Chị Nguyễn Thị Thanh H có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng thương mại Cổ phần Xăng dầu Petrolimex số tiền còn nợ 80.479.778 đồng theo nội dung hai bên đã thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng số 208/1031/2015/HĐTD-CN/PGBankHP ngày 12 tháng 5 năm 2015.

4. Về yêu cầu độc lập của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Chấp nhận một phần yêu cầu độc lập của ông Nguyễn Văn Tr và bà Lê Thị Bích T: Yêu cầu chị Nguyễn Thị Thanh H có nghĩa vụ thanh toán cho ông Nguyễn Văn Tr và bà Lê Thị Bích T số tiền là 380.000.000 đồng (ba trăm tám mươi triệu đồng).

Chấp nhận yêu cầu độc lập của ông Phan Văn G (tức Phan T) và bà Nguyễn Thị S: Yêu cầu anh Phan Văn Hvà chị Nguyễn Thị Thanh H có nghĩa vụ thanh toán cho ông Phan Văn G (tức Phan T) và bà Nguyễn Thị S số tiền là 1.158.000.000 đồng (một tỷ một trăm năm mươi tám triệu đồng). Anh H và chị H mỗi người phải trả ông G, bà S 579.000.000 đồng.

Chấp nhận một phần yêu cầu độc lập của chị Nguyễn Thanh H:Yêu cầu chị Nguyễn Thị Thanh H có nghĩa vụ thanh toán cho chị Nguyễn Thị Thanh H số tiền là 300.000.000 đồng (ba trăm triệu đồng).

Không chấp nhận yêu cầu độc lập của chị Nguyễn Thị H Kh và anh Nguyễn Anh D về việc yêu cầu chị Nguyễn Thị Thanh H và anh Phan Văn H trả lại ngôi nhà 04 tầng diện tích sàn 183m^2 được xây dựng trên thửa đất số 64A, tờ bản đồ số 24, diện tích 67,2m^2 tại khu dân cư An Khê (Thư Tr II), phường Đằng L, quận HA, thành phố Hải Ph.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 357 Bộ luật Dân sự năm 2015.

5. Về án phí sơ thẩm:

Chị Nguyễn Thị Thanh H phải chịu 150.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm, phải chịu 57.824.252 đồng án phí chia tài sản khi ly hôn và 48.183.989 đồng án phí dân sự sơ thẩm đối với nghĩa vụ trả nợ, tổng cộng là 106.008.241 đồng. Được trừ vào

số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí chị H đã nộp theo biên lai thu số 0006624 ngày 09 tháng 10 năm 2017 của Chi cục Thi hành án dân sự quận HA, thành phố Hải Ph. Chị H còn phải nộp tiếp số tiền là 105.708.241 đồng (một trăm lẻ năm triệu bẩy trăm lẻ tám nghìn hai trăm bốn mươi mốt đồng).

Anh Phan Văn H phải chịu 150.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm, phải chịu 57.824.252 đồng án phí chia tài sản khi ly hôn và 27.160.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm đối với nghĩa vụ trả nợ, tổng cộng là 85.134.252 đồng. Được trừ vào số tiền 22.800.000 đồng tạm ứng án phí anh H đã nộp theo biên lai thu tiền số 0016011 ngày 07 tháng 12 năm 2017 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận HA, thành phố Hải Ph. Anh H còn phải nộp tiếp số tiền là 62.334.252 đồng (sáu mươi hai triệu ba trăm ba mươi tư nghìn hai trăm năm mươi hai đồng).

Anh Nguyễn Anh D và chị Nguyễn Thị H Kh phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo phần yêu cầu độc lập không được Tòa án chấp nhận là 300.000 đồng. Được trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí mà anh D và chị Kh đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0002549 ngày 07 tháng 8 năm 2018 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận HA, thành phố Hải Ph. Anh D và chị Kh đã nộp đủ án phí.

Chị Nguyễn Thị Thanh H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 7.500.000 đồng nH được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 7.500.000 đồng (bảy triệu năm trăm nghìn đồng) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0016407 ngày 16 tháng 8 năm 2018 của Chi cục Thi hành án dân sự quận HA, thành phố Hải Ph.

Ông Nguyễn Văn Tr và bà Lê Thị Bích T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 9.500.000 đồng nH được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 9.500.000 đồng (chín triệu năm trăm nghìn đồng) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0016303 ngày 11 tháng 6 năm 2018 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận HA, thành phố Hải Ph.

Trả lại ông Phan Văn G và bà Nguyễn Thị S số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 18.500.000 đồng (mười tám triệu năm trăm nghìn đồng) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0016407 ngày 06 tháng 6 năm 2018 của Chi cục Thi hành án dân sự quận HA, thành phố Hải Ph.

6. Về án phí phúc thẩm: Trả lại chị Nguyễn Thị Thanh H, ông Nguyễn Văn Tr và bà Lê Thị Bích T, chị Nguyễn Thị Thanh H, anh Nguyễn Anh D và chị Nguyễn Thị H Kh, ông Phan Văn G (Phan T) và bà Nguyễn Thị S, anh Phan Văn H mỗi người 300.000 đồng tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm đã nộp theo các Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0004838 ngày 14/02/2019, số 0004846 ngày 15/02/2019, số 0004847 ngày 15/02/2019, số 0004850 ngày 15/02/2019, số 0004848 ngày 15/02/2019, số 0004849 ngày 15/02/2019 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận HA, thành phố Hải Ph.

7. Về chi phí tố tụng khác: Anh Phan Văn H phải trả cho chị Nguyễn Thị Thanh H số tiền chi phí định giá tài sản còn thiếu là 4.000.000 đồng (bốn triệu đồng).

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự được sửa đổi bổ sung năm 2014, người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 7a và Điều 9 của Luật Thi hành án dân sự được sửa đổi bổ sung năm 2014. Thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự được sửa đổi bổ sung năm 2014.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
-VKSNDTP Hải Ph;
- TAND quận HA;
- Chi cục THADS quận HA;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án, HCTP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký)

Đặng Hồ Điệp